

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2023

NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

Mã ngành: 7340405

Trình độ: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2023

Số: 984/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 5 tháng 4 năm 2010 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM.

Danh sách các ngành đào tạo và chương trình đào tạo đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ đại học được ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, BĐCL.

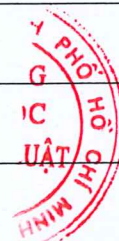
HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

**DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH VÀ CẬP NHẬT NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 984/QĐ-ĐHKTL ngày 19 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

STT	Mã ngành	Tên chương trình đào tạo	Khoa quản lý	Ghi chú
1	7310101	Kinh tế	Khoa Kinh tế	
2	7310106	Kinh tế quốc tế	Khoa Kinh tế đối ngoại	
3	7340120	Kinh doanh quốc tế	Khoa Kinh tế đối ngoại	
4	7310108	Toán kinh tế	Khoa Toán kinh tế	
5	7340101	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	
6	7340115	Marketing	Khoa Quản trị kinh doanh	
7	7340201	Tài chính ngân hàng	Khoa Tài chính - Ngân hàng	
8	7340205	Công nghệ tài chính	Khoa Tài chính - Ngân hàng	
9	7340301	Kế toán	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
10	7340302	Kiểm toán	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
11	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Khoa Hệ thống thông tin	
12	7340122	Thương mại điện tử	Khoa Hệ thống thông tin	
13	7380101	Luật	Khoa Luật	
14	7380107	Luật kinh tế	Khoa Luật kinh tế	



mk

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 984/QĐ-ĐHKTL ngày 19 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Tên chương trình: **Hệ thống thông tin quản lý**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Hệ thống thông tin quản lý**
Mã ngành đào tạo: **7340405**
Chuyên ngành 1: **Hệ thống thông tin quản lý**
Chuyên ngành 2: **Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**
Bằng tốt nghiệp: **Cử nhân**
Ngôn ngữ đào tạo: **Tiếng Việt**
Bộ môn phụ trách: **Hệ thống thông tin**

1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung	
Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng làm việc và nghiên cứu về lĩnh vực hệ thống thông tin; bao gồm tư vấn, phân tích, thiết kế, phát triển và triển khai Hệ thống thông tin; phân tích dữ liệu và đề xuất giải pháp nhằm hỗ trợ ra quyết định. Nhằm giải quyết các vấn đề kinh doanh, quản lý, và đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực chất lượng cao trong thời đại công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.	
Mục tiêu cụ thể	
PO 1	Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có đầy đủ kiến thức chuyên môn cần thiết về công nghệ thông tin ứng dụng trong kinh doanh; nắm vững các quy trình kinh doanh và quản trị doanh nghiệp;
PO 2	Đào tạo những chuyên gia hiểu rõ sự phối hợp giữa các yếu tố công nghệ, quản trị và con người trong một hệ thống thông tin quản lý, vận dụng các hệ thống thông tin quản lý trong việc giải quyết các vấn đề quản trị của tổ chức;

PO 3	Đào tạo đội ngũ những chuyên gia Hệ thống thông tin quản lý có khả năng phân tích, thiết kế, phát triển, triển khai và vận hành các dự án Hệ thống thông tin ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế, quản lý;
PO 4	Đào tạo những chuyên gia Hệ thống thông tin quản lý có khả năng nghiên cứu, phát hiện, đánh giá, lựa chọn, đề xuất và tư vấn các giải pháp dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại và vận dụng thuần thục các kỹ thuật khai phá dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định tại tổ chức, doanh nghiệp;
PO 5	Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có trách nhiệm với cộng đồng và có khả năng tự học suốt đời

2. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Ngành Hệ thống thông tin quản lý đào tạo nguồn nhân lực tư vấn, triển khai, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin quản lý để giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và đạt được lợi thế cạnh tranh. Sinh viên tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý có năng lực đảm nhiệm các vị trí sau:

- Chuyên viên phân tích, thiết kế, xây dựng, triển khai và tư vấn hệ thống thông tin cho tổ chức.
- Chuyên viên phân tích và tư vấn quy trình nghiệp vụ cho tổ chức.
- Chuyên viên quản trị cơ sở dữ liệu cho hệ thống thông tin của tổ chức.
- Chuyên viên phân tích dữ liệu và xây dựng các bảng biểu hỗ trợ ra quyết định.
- Nhà quản trị hệ thống và định hướng phát triển ứng dụng công nghệ thông tin cho tổ chức.
- Nghiên cứu, giảng dạy trong ngành hệ thống thông tin quản lý ở các cơ sở nghiên cứu, trường đại học và cao đẳng.

3. Chuẩn đầu ra

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ *
A. Kiến thức	PLO 01: Áp dụng được các kiến thức khoa học xã hội, kinh tế và kinh doanh để giải quyết các vấn đề thực tiễn	3
	PLO 02: Vận dụng các kiến thức về hệ thống thông tin quản lý; trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số vào việc xây dựng các hệ thống vận hành cũng như vào quá trình phân tích, thiết kế, tư vấn, triển khai Hệ thống thông tin cho doanh nghiệp	3
	PLO 03: Phân tích các giải pháp Hệ thống thông tin để tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	4

	PLO 04: Khai thác và phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định cho doanh nghiệp	4
B. Kỹ năng	PLO 05: Có khả năng thực hiện được việc nghiên cứu và khám phá tri thức trong lĩnh vực hệ thống thông tin, kiến thức liên ngành ứng dụng trong công tác quản lý, vận hành thúc đẩy sự phát triển doanh nghiệp.	3
	PLO 06: Thể hiện khả năng thuần thục trong việc phân biện, tư duy hệ thống thông qua quá trình lên ý tưởng, tư vấn, thiết kế, phân tích, triển khai Hệ thống thông tin; đánh giá, lựa chọn, đề xuất giải pháp hỗ trợ hoạch định chiến lược kinh doanh, quản lý và điều hành tổ chức doanh nghiệp	4
	PLO 07: Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp đa phương tiện và giao tiếp bằng Tiếng Anh	4
C. Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO 08: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm, ý thức trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng	3
	PLO 09: Thể hiện thái độ và tinh thần học tập suốt đời một cách tích cực, chủ động	3
	PLO 10: Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và các quy định ở nơi học tập và làm việc	3

Danh sách các chỉ báo của Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trọng số (%)	Mức độ *
PLO 1	Áp dụng được các kiến thức khoa học xã hội, kinh tế và kinh doanh để giải quyết các vấn đề thực tiễn		3
PI 1.1	Kiến thức Toán học kinh tế, xác suất, thống kê, kinh tế lượng	35	3
PI 1.2	Kiến thức Pháp luật, chính trị, xã hội	25	2
PI 1.3	Kiến thức về kinh tế và kinh doanh	40	3
PLO 2	Vận dụng các kiến thức về hệ thống thông tin quản lý; trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số vào việc xây dựng các		3

	hệ thống vận hành cũng như vào quá trình phân tích, thiết kế, tư vấn, triển khai Hệ thống thông tin cho doanh nghiệp		
PI 2.1	Tư duy, phương pháp và kỹ thuật lập trình	20	3
PI 2.2	Các mô hình tổ chức, lưu trữ, xử lý, khai thác dữ liệu và ra quyết định	25	3
PI 2.3	Các phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống, ngôn ngữ mô hình hóa	25	3
PI 2.4	Các kiến thức nền tảng của công nghệ và hệ thống thông tin quản lý.	30	3
PLO 3	Phân tích các giải pháp Hệ thống thông tin để tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp		4
PI 3.1	Các mô hình tích hợp giữa các quy trình kinh doanh, quản lý với hệ thống thông tin	40	4
PI 3.2	Các phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống, ngôn ngữ mô hình hóa	35	4
PI 3.3	Chiến lược phát triển Hệ thống thông tin	25	3
PLO 4	Khai thác và phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định cho doanh nghiệp		4
PI 4.1	Các mô hình hỗ trợ ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu	35	4
PI 4.2	Các mô hình tổ chức, lưu trữ, xử lý, khai thác dữ liệu và ra quyết định	40	4
PI 4.3	Kiến thức về Thương mại điện tử, an ninh hệ thống thông tin	25	3
PLO 5	Có khả năng thực hiện được việc nghiên cứu và khám phá tri thức trong lĩnh vực hệ thống thông tin, kiến thức liên ngành ứng dụng trong công tác quản lý, vận hành thúc đẩy sự phát triển doanh nghiệp		3
PI 5.1	Xây dựng, kiểm định và bảo vệ giả thuyết	30	3
PI 5.2	Khả năng đọc tài liệu, tổng hợp và đưa ra ý tưởng nghiên cứu.	35	3
PI 5.3	Khả năng vận dụng kỹ thuật lập trình, phân tích dữ liệu vào các nghiên cứu thực nghiệm	35	3

PLO 6	Thể hiện khả năng thuần thục trong việc phản biện, tư duy hệ thống thông qua quá trình lên ý tưởng, tư vấn, thiết kế, phân tích, triển khai Hệ thống thông tin; đánh giá, lựa chọn, đề xuất giải pháp hỗ trợ hoạch định chiến lược kinh doanh, quản lý và điều hành tổ chức doanh nghiệp		4
PI 6.1	Kỹ năng về tính toán, tổng hợp và khai thác thông tin hiệu quả	25	3
PI 6.2	Tư duy thiết kế (khả năng trình bày và phát triển quy trình, công việc nhiệm vụ để đạt hiệu quả mong muốn)	30	4
PI 6.3	Kỹ năng quản trị sự quá tải thông tin	25	3
PI 6.4	Hình thành chiến lược giải quyết vấn đề (giải pháp và khuyến nghị)	20	3
PLO 7	Sử dụng thành thạo các kĩ năng giao tiếp đa phương tiện và giao tiếp bằng Tiếng Anh.		4
PI 7.1	Khả năng sử dụng thuần thục các phương tiện truyền thông số trong giao tiếp.	35	4
PI 7.2	Thuyết trình lưu loát bằng tiếng Anh.	35	4
PI 7.3	Khả năng thấu cảm, kết nối cộng đồng trên các kênh giao tiếp trực tuyến.	30	3
PLO 8	Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm, ý thức trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng		3
PI 8.1	Kỹ năng làm việc độc lập trong các điều kiện khác nhau	3	3
PI 8.2	Kỹ năng làm việc nhóm, quản lý, truyền cảm hứng và tạo động lực cho nhóm	3	3
PI 8.3	Ý thức trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng	3	3
PLO 9	Thể hiện thái độ và tinh thần học tập suốt đời một cách tích cực, chủ động		3
PI 9.1	Chủ động trong việc tìm tòi, học hỏi, cập nhật các kiến thức, kỹ năng mới.	35	
PI 9.2	Nâng cao năng lực học tập và thể hiện thái độ cầu thị trong học tập.	35	

PI 9.3	Nỗ lực, kiên tâm, có tư duy mở, luôn mong muốn hoàn thiện bản thân.	30	
PLO10	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và các quy định ở nơi học tập và làm việc		3
PI 10.1	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm với tổ chức.	35	
PI 10.2	Tuân thủ theo nội quy của nhà trường và tổ chức làm việc.	35	
PI 10.3	Có khả năng hội nhập tốt với văn hóa của tổ chức, chấp nhận sự khác biệt và công bằng.	30	

**Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Mức tự chủ và trách nhiệm/ Đạo đức trách nhiệm (1-5)*

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ

Kiến thức	Khối lượng (tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương		
1.1. Các học phần lý luận chính trị Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (bắt buộc)	11	
1.2. Các học phần của Trường (bắt buộc)	15	Trường quy định bắt buộc
1.3. Các học phần của Trường (tự chọn)	10	SV tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định, SV tự chọn 10 TC (5 học phần)
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành (bắt buộc)	15	
2.2. Kiến thức cơ sở nhóm ngành (bắt buộc)	11	
2.3. Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)	6	
2.4. Kiến thức ngành/chuyên ngành	52	SV tự chọn 15 TC (6 học phần)

Kiến thức	Khối lượng (tín chỉ)	Ghi chú
2.4.1. Các học phần bắt buộc	37	
2.4.2. Các học phần tự chọn	15	
2.4 Kiến tập, thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp/HP chuyên đề	10	
TỔNG	130	Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ - 20 TC; giáo dục thể chất - 6 TC; giáo dục quốc phòng và an ninh - 165 tiết

6. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

7. Quy trình đào tạo

7.1. Căn cứ pháp lý

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo:

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GDĐH;
- Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình GDĐH;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành ĐT, đình chỉ hoạt động của ngành ĐT trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của GDĐH;
- Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

- Quyết định số 1268/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Quyết định số 953/QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định công tác Cố vấn học tập tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

7.2. Triển khai thực hiện chương trình

Phân bổ thời gian đào tạo: thời gian đào tạo được chia làm 8 học kỳ.

Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.

Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.

Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 8.

7.3. Phương pháp dạy và học

Kết hợp nhiều loại phương pháp dạy và học, trong đó có các phương pháp thuyết giảng chủ động, phương pháp dạy học tích cực, phương pháp dạy học tích cực theo nhóm, phương pháp trò chơi, case study, phương pháp dạy học tích cực theo dự án, phương pháp blended learning, phương pháp hybrid learning.

7.4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sinh viên phải được đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, tương ứng với từng học phần sẽ có các chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thể hiện trong các bài kiểm tra quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ.

7.5 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp cử nhân chương trình đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của Trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ, chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và hoàn thành các học phần điều kiện theo quy định của ĐHQG-HCM và của Trường;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt trung bình trở lên (Không học phần nào có điểm dưới 5.0);
- Điểm rèn luyện đạt quy định theo Quy chế công tác sinh viên;
- Hoàn tất nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự

hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

8. Cách thức đánh giá

Cách thức đánh giá thực hiện theo quy định của Quyết định số 1268/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

9. Nội dung chương trình đào tạo

9.1. Khối kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ

Cấp đào tạo	Thời gian đào tạo	Tổng khối lượng kiến thức	Khối kiến thức đại cương	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
				Tổng	Cơ sở khối ngành	Cơ sở nhóm ngành	Cơ sở ngành	Ngành/ Chuyên ngành	Kiến tập, thực tập cuối khóa và khóa luận TN/HP chuyên đề
Đại học	4 năm	130	36	94	15	11	6	52	10

9.2. Khối kiến thức đại cương: 36 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
1.1	Lý luận chính trị Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh		11				
Học phần bắt buộc			11				
1	BDG1001	Triết học Mác – Lênin	3	3			
2	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2			
3	BDG1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			

4	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
5	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2			
1.2	Các học phần của Trường		25				
Học phần bắt buộc			15				
6	BEE1037	Kinh tế vi mô	3	3			
7	BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3	3			
8	BLB1048	Nhập môn luật học	3	3			
9	BKB1046	Pháp luật doanh nghiệp	3	3			
10	BBB1067	Quản trị học	3	3			
Học phần tự chọn			10				
Nhóm 1			4				Chọn 2 HP
1	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	2			
2	BDG1007	Khoa học giao tiếp	2	2			
3	BDG1008	Xã hội học	2	2			
4	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	2			
5	BDG1010	Văn hóa học	2	2			
Nhóm 2			6				Chọn 3 HP
1	BIE1051	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	2	2			
2	BDG1011	Logic học	2	2			
3	BFF1047	Tài chính cá nhân	2	2			
4	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	2			
5	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	2	2			

9.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 94 tín chỉ

9.3.1. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành (khối khoa học xã hội và hành vi; khối kinh doanh và quản lý): 15 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			15				
1	BMM2024	Toán kinh tế	3	3			
2	BMA2022	Thống kê trong kinh doanh	3	3			
3	BAA2028	Nguyên lý kế toán	3	3			
4	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3			
5	BMA2023	Kinh tế lượng	3	3			

9.3.2 Khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành (khối kinh doanh và quản lý): 11 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			11				
1	BMA2025	Phân tích dữ liệu	3	3			
2	BAA2029	Kế toán tài chính	3	3			
3	BFF2045	Quản trị tài chính	3	3			
4	BIM2050	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	2			

9.3.3. Khối kiến thức cơ sở ngành: 6 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			11				
1	BIM3049	Tư duy lập trình	3	2	1		
2	BIE3004	Cơ sở dữ liệu	3	3			

9.3.4 Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: 52 tín chỉ

- **Chuyên ngành: Hệ thống thông tin quản lý**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			37				
1	BIM5007	Giới thiệu chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý	2	2			
2	BIM5020	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	2	2			
3	BBM2066	Marketing	2	2			
4	BIE5019	Kỹ thuật lập trình	3	2	1		
5	BIM5013	Hệ thống thông tin quản lý	3	3			
6	BIM5011	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	3	3			
7	BIE5030	Phát triển Web Kinh doanh	3	2	1		

8	BIM5022	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	3	3			
9	BIE5045	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	2	2			
10	BIE5031	Phát triển Web Kinh doanh nâng cao	2	1	1		
11	BIM5047	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	3			
12	BIM5001	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	3				
13	BIM5021	Nhà kho dữ liệu và tích hợp	3				
14	BIE5043	Thương mại điện tử	3				
Học phần tự chọn			15				
1	BIE5032	Phương pháp nghiên cứu liên ngành	2	2			
2	BRE2030	Kinh tế quốc tế	2	2			
3	BIE5038	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	2	2			
4	BIM5018	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	2	2			
5	BIE5046	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2	2	2			
6	BIM5026	Phân tích marketing số	2	2			
7	BIM5006	Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	3	3			
8	BIM4014	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	3	3			

9	BIE5003	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	3			
10	BIM5012	Hệ thống thông tin kế toán	3	3			
11	BIM5027	Phát triển ERP mã nguồn mở	3	3			
12	BIM5024	Phân tích dữ liệu nâng cao	3	3			
13	BIE5028	Phát triển thương mại di động	3	2	1		
14	BBB5027	Nghệ thuật lãnh đạo	3	3			
15	BIM5017	Hợp đồng thông minh và công nghệ Blockchain	3	3			

• **Chuyên ngành: Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)				
			Tổng	Lý Thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			37				
1	BIM5008	Giới thiệu chuyên ngành Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo	2	2			
2	BIM5020	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	2	2			
3	BIE5019	Kỹ thuật lập trình	3	2	1		
4	BIM4014	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	3	3			

5	BIM5024	Phân tích dữ liệu nâng cao	3	3			
6	BIM5011	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	3	3			
7	BIM5047	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	3			
8	BIM5013	Hệ thống thông tin quản lý	3	3			
9	BIE5030	Phát triển Web Kinh doanh	3	2	1		
10	BIM5021	Nhà kho dữ liệu và tích hợp	3	3			
11	BIM5029	Phát triển ứng dụng AI đa nền tảng	3	3			
12	BIM5006	Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	3	3			
13	BIE5043	Thương mại điện tử	3	3			
Học phần tự chọn			15				
1	BIE5032	Phương pháp nghiên cứu liên ngành	2	2			
2	BBM2066	Marketing	2	2			
3	BIM5026	Phân tích marketing số	2	2			
4	BIE5045	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	2	2			
5	BIM5018	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	2	2			
6	BIE5046	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2	2	2			

7	BIM5022	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	3	3			
8	BIM5023	Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo	3	3			
9	BIM5027	Phát triển ERP mã nguồn mở	3	3			
10	BIM5016	Học sâu (Deep Learning) trong phân tích kinh doanh	3	3			
11	BIE5028	Phát triển thương mại di động	3	2	1		
12	BBB5027	Nghệ thuật lãnh đạo	3	3			
13	BIM5017	Hợp đồng thông minh và công nghệ Blockchain	3	3			
14	BIM5001	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	3	3			
15	BIE5003	Chuyển đổi số trong kinh doanh					
16	BIM5010	Hệ khuyến nghị	3	3			

9.4 Kiến tập, thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp/HP chuyên đề: 10 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý Thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			10				
1	BUU6002	Kiến tập	2		2		
2	BUU6003	Thực tập cuối khóa	4		4		
3	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4	4			
Học phần thay thế cho sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp			4				

1	BIM4002	Chuyên đề: Big Data và Ứng dụng	2	2			
2	BIM4034	Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ thống thông tin	2	2			

9.5 Khối kiến thức ngoại ngữ: 20 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)				Điều kiện tiên quyết*	
			Tổng	LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
1	BVL1001	Tiếng Anh 1	5	5				
2	BVL1002	Tiếng Anh 2	5	5				
3	BVL1003	Tiếng Anh 3	5	5				
4	BVL1004	Tiếng Anh 4	5	5				

* Điều kiện tiên quyết theo các quy định của Chương trình Tiếng Anh tại Trường Đại học Kinh tế - Luật hiện hành; sinh viên sẽ được miễn tiếng Anh khi có chứng chỉ quốc tế đáp ứng chuẩn đầu ra.

10. Kế hoạch giảng dạy

- Chuyên ngành: Hệ thống thông tin quản lý

TT	Mã HP	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
HỌC KỲ 1			17					
Học phần bắt buộc			11					
1	BIM5007	Giới thiệu chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý	2	2				
2	BEE1037	Kinh tế vi mô	3	3				

3	BLB1048	Nhập môn luật học	3	3				
4	BMM2024	Toán kinh tế	3	3				
Học phần tự chọn (5 chọn 3)			6					
1	BIE1051	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	2	2				
2	BDG1011	Logic học	2	2				
3	BFF1047	Tài chính cá nhân	2	2				
4	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	2				
5	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	2	2				
Học phần giáo dục thể chất								
1	BDG1012	Giáo dục thể chất 1	3					
HỌC KỲ 2			22					
Học phần bắt buộc			18					
1	BDG1001	Triết học Mác – Lênin	3	3				
2	BKB1046	Pháp luật doanh nghiệp	3	3				
3	BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3	3				BEE1037
4	BAA2028	Nguyên lý kế toán	3	3				
5	BBB1067	Quản trị học	3	3				
6	BMA2022	Thống kê trong kinh doanh	3	3				BMM2024
Học phần tự chọn (5 chọn 2)			4					
1	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	2				
2	BDG1007	Khoa học giao tiếp	2	2				

3	BDG1008	Xã hội học	2	2				
4	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	2				
5	BDG1010	Văn hóa học	2	2				
Học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng								
1	BDG1013	Giáo dục thể chất 2	3					
2	BDG1014	Giáo dục quốc phòng (4 tuần)	165t					
HỌC KỲ 3			18					
Học phần bắt buộc			18					
1	BAA2029	Kế toán tài chính	3	3				BAA2028
2	BIM3049	Tư duy lập trình	3	2	1			
3	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3				BEE1038
4	BMA2025	Phân tích dữ liệu	3	3				BMA2022
5	BIM2050	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	2				BAA2028
6	BIM5020	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	2	2				
7	BBM2066	Marketing	2	2				
HỌC KỲ 4			19					
Học phần bắt buộc			17					
1	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2				
2	BIE5019	Kỹ thuật lập trình	3	2	1			BIM3049
3	BFF2045	Quản trị tài chính	3	3				
4	BMA2023	Kinh tế lượng	3	3				BMA2022
5	BIE3004	Cơ sở dữ liệu	3	3				BIM3049

6	BIM5013	Hệ thống thông tin quản lý	3	3				
Học phần tự chọn (2 chọn 1)			2					
1	BIE5032	Phương pháp nghiên cứu liên ngành	2	2				
2	BRE2030	Kinh tế quốc tế	2	2				BEE1037
HỌC KỲ 5			15					
Học phần bắt buộc			13					
1	BDG1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2				
2	BIM5011	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	3	3				BIE3004
3	BIE5030	Phát triển Web Kinh doanh	3	2	1			BIE5019 BIE3004
4	BIM5022	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	3	3				BIM5013
5	BIE5045	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	2	2				BIM2050
Học phần tự chọn (2 chọn 1)			2					
1	BIM5018	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	2	2				
2	BIE5038	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	2	2				
HỌC KỲ 6			16					
Học phần bắt buộc			11	11				
1	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2				
2	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				

3	BIE5031	Phát triển Web Kinh doanh nâng cao	2	1	1			BIE5030
4	BIM5021	Nhà kho dữ liệu và tích hợp	3	3				BIE3004
5	BUU6002	Kiến tập	2		2			
Học phần tự chọn			5					
1	BIE5046	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2	2	2				BIE5045
2	BIM5026	Phân tích marketing số	2	2				
3	BIM4014	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	3	3				BIM3049
4	BIE5003	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	3				
5	BIM5006	Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	3	3				
HỌC KỲ 7			15					
Học phần bắt buộc			9					
1	BIM5001	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	3	3				BIM5013
2	BIM5047	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	3				BIE3004
3	BIE5043	Thương mại điện tử	3	3				
Học phần tự chọn (6 chọn 2)			6					
1	BIM5012	Hệ thống thông tin kế toán	3	3				

2	BIM5027	Phát triển ERP mã nguồn mở	3	3				BIE5045
3	BIM5024	Phân tích dữ liệu nâng cao	3	3				BMA2025
4	BIE5028	Phát triển thương mại di động	3	2	1			BIE5019
5	BBB5027	Nghệ thuật lãnh đạo	3	3				
6	BIM5017	Hợp đồng thông minh và công nghệ Blockchain	3	3				
HỌC KỲ 8			8					
Học phần bắt buộc			4					
1	BUU6003	Thực tập cuối khóa	4		4			
Học phần tự chọn			4					
2	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4	4				
Học phần thay thế cho sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp			4					
1	BIM4002	Chuyên đề: Big Data và Ứng dụng	2	2				
2	BIM4034	Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ thống thông tin	2	2				

• Chuyên ngành Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
HỌC KỲ 1			17					
Học phần bắt buộc			11					
1	BIM5008	Giới thiệu chuyên ngành Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo	2	2				
2	BEE1037	Kinh tế vi mô	3	3				
3	BLB1048	Nhập môn luật học	3	3				
4	BMM2024	Toán kinh tế	3	3				
Học phần tự chọn (5 chọn 3)			6					
1	BIE1051	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	2	2				
2	BDG1011	Logic học	2	2				
3	BFF1047	Tài chính cá nhân	2	2				
4	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	2				
5	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	2	2				
Học phần giáo dục thể chất								
1	BDG1012	Giáo dục thể chất 1	3					
HỌC KỲ 2			22					

Học phần bắt buộc			18					
1	BDG1001	Triết học Mác – Lênin	3	3				
2	BKB1046	Pháp luật doanh nghiệp	3	3				
3	BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3	3				BEE1037
4	BAA2028	Nguyên lý kế toán	3	3				
5	BBB1067	Quản trị học	3	3				
6	BMA2022	Thống kê trong kinh doanh	3	3				BMM2024
Học phần tự chọn (5 chọn 2)			4					
1	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	2				
2	BDG1007	Khoa học giao tiếp	2	2				
3	BDG1008	Xã hội học	2	2				
4	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	2				
5	BDG1010	Văn hóa học	2	2				
Học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng								
1	BDG1013	Giáo dục thể chất 2	3					
2	BDG1014	Giáo dục quốc phòng (4 tuần)	165t					
HỌC KỲ 3			16					
Học phần bắt buộc			16					
1	BAA2029	Kế toán tài chính	3	3				BAA2028
2	BIM3049	Tư duy lập trình	3	2	1			
3	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3				BEE1038
4	BMA2025	Phân tích dữ liệu	3	3				BMA2022
5	BIM2050	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	2				BAA2028

6	BIM5020	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	2	2				
HỌC KỲ 4			19					
Học phần bắt buộc			17					
1	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2				
2	BIE5019	Kỹ thuật lập trình	3	2	1			BIM3049
3	BFF2045	Quản trị tài chính	3	3				
4	BMA2023	Kinh tế lượng	3	3				BMA2022
5	BIE3004	Cơ sở dữ liệu	3	3				BIM3049
6	BIM4014	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	3	3				BIM3049
Học phần tự chọn (2 chọn 1)			2					
1	BIE5032	Phương pháp nghiên cứu liên ngành	2	2				
2	BBM2066	Marketing	2	2				
HỌC KỲ 5			16					
Học phần bắt buộc			14					
1	BDG1003	Chủ nghĩa Xã Hội Khoa Học	2	2				
2	BIM5011	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	3	3				BIE3004
3	BIM5024	Phân tích dữ liệu nâng cao	3	3				BMA2025
4	BIM5006	Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	3	3				
5	BIM5013	Hệ thống thông tin quản lý	3	3				

Học phần tự chọn (2 chọn 1)			2					
1	BIE5045	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	2	2				
2	BIM5018	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	2	2				
HỌC KỲ 6			17					
Học phần bắt buộc			12					
1	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2				
2	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				
3	BIE5030	Phát triển Web Kinh doanh	3	2	1			BIE5019 BIE3004
4	BIM5021	Nhà kho dữ liệu và tích hợp	3	3				BIE3004
5	BUU6002	Kiến tập	2		2			
Học phần tự chọn			5					
1	BIE5046	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2	2	2				BIE5045
2	BIM5026	Phân tích marketing số	2	2				
3	BIM5022	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	3				BIM5013
4	BIM5023	Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo	3	3				
5	BIE5003	Chuyển đổi số trong kinh doanh						
HỌC KỲ 7			15					

Học phần bắt buộc			9					
1	BIM5029	Phát triển ứng dụng AI đa nền tảng	3	3				BIE5019 BIM4014
2	BIM5047	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	3				BIE3004
3	BIE5043	Thương mại điện tử	3	3				
Học phần tự chọn			6					
1	BIM5016	Học sâu (Deep Learning) trong phân tích kinh doanh	3	3				
2	BIM5027	Phát triển ERP mã nguồn mở	3	3				BIE5045
3	BIM5010	Hệ khuyến nghị	3	3				
4	BIE5028	Phát triển thương mại di động	3	2	1			BIE5019
5	BBB5027	Nghệ thuật lãnh đạo	3	3				
6	BIM5017	Hợp đồng thông minh và công nghệ Blockchain	3	3				
7	BIM5001	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	3	3				BIM5013
HỌC KỲ 8			8					
Học phần bắt buộc			4					
1	BUU6003	Thực tập cuối khóa	4		4			
Học phần tự chọn			4					
2	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4	4				
Học phần thay thế cho sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp			4					

1	BIM4002	Chuyên đề: Big data và ứng dụng	2	2				
2	BIM4034	Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ thống thông tin	2	2				

11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

11.1. Học phần Giới thiệu ngành Hệ thống thông tin quản lý

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần gồm 3 phần: Phần một: Giới thiệu cơ bản về ngành Hệ thống thông tin quản lý, các khái niệm cơ bản về tổ chức, doanh nghiệp, quy trình nghiệp vụ, quản trị. Phần hai: Giới thiệu về chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý, cấu trúc các chuỗi học phần. Phần ba: Tham quan và tiếp xúc doanh nghiệp, cực sinh viên, thực hiện các tiểu luận, trình bày, thảo luận nhóm về các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin quản trị doanh nghiệp, các giải pháp hệ thống thông tin quản lý đang được áp dụng tại các doanh nghiệp hiện nay, các định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý.

11.2. Học phần Kinh tế vi mô

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản, các hình thái và đo lường kinh tế số. Thực trạng ứng dụng trong các lĩnh vực nhất định của nền kinh tế và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế số. Kết thúc học phần, người học cần hiểu và áp dụng những vấn đề cơ bản của kinh tế số, như khái niệm, các hình thái, biểu hiện của kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định. Phân tích, đánh giá kinh tế số thông qua các chỉ tiêu đo lường kinh tế. Áp dụng các kiến thức về kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định để tự trang bị thêm kiến thức, xu hướng và nhận thức thực tiễn.

11.3. Học phần Nhập môn luật học

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những khối kiến thức sau: Khối kiến thức chung về pháp luật như khái niệm, đặc điểm, nguồn gốc, các học thuyết pháp luật, nguồn luật và các dòng luật; Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Nhà nước và các định chế pháp lý; Nghề luật và các kỹ năng pháp lý cơ bản

11.4. Học phần Toán kinh tế

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Phần đầu của học phần trang bị các kiến thức nhập môn về đại số tuyến tính và một số ứng dụng cơ bản của đại số tuyến tính trong kinh tế, đặc biệt là QHTT. Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

11.5. Học phần Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ nghiên cứu các nguyên tắc đổi mới quy trình kinh doanh bằng việc ứng dụng các công nghệ khác nhau, thúc đẩy các chuyển đổi số trong kinh doanh và dẫn đến việc tạo ra các doanh nghiệp thông minh. Học phần này còn thảo luận, sử dụng các công nghệ mới nổi hiện nay làm ví dụ, cách áp dụng các công nghệ này vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Qua đó, giúp sinh viên khám phá các cơ hội kinh doanh khác nhau mà công nghệ mới tạo ra và hiểu rõ hơn về cách chúng có thể dẫn đến những thay đổi lớn trong cách kinh doanh và cho phép tạo ra các doanh nghiệp thông minh. Cụ thể, học phần giới thiệu các vấn đề và công nghệ nền tảng trong thời đại mới như: Giới thiệu về công nghệ thông tin và truyền thông, chuyển đổi số, điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big data), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), công nghệ in 3D, chuỗi khối (Block chain), Internet vạn vật (Internet of Things).

11.6. Học phần Logic học

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần Logic học là khoa học về tư duy hợp lý: giúp người học thao tác hóa khái niệm chính xác, hiệu quả; giúp nâng cao năng lực phán đoán; giúp suy luận hợp lý và Bác bỏ ngụy biện. Tóm lại Logic học là khoa học nâng cao kỹ năng tư duy hợp lý và hiệu quả trong quá trình nhận thức thế giới hiện thực và hoạt động thực tiễn.

11.7. Học phần Tài chính cá nhân

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần tài chính cá nhân là học phần đại cương tự chọn dành cho sinh viên năm 1 của tất cả các chuyên ngành. Học phần này đề cập chủ yếu đến khía cạnh quản lý tài chính cá nhân và gia đình. Học phần hướng tới cung cấp các khái niệm tài chính gắn liền với các vấn đề/ quyết định tài chính mà cá nhân và hộ gia đình thường xuyên đối mặt trên thực tế như: quản lý nguồn ngân quỹ/thu nhập; thuế; tiết kiệm; mua nhà và các tài sản giá trị, vay mượn, bảo hiểm, đầu tư, hoạch định kế

hoạch tài chính học đại học và sau đại học. Thông qua học phần, sinh viên sẽ nắm bắt được các nguyên lý cũng như kỹ thuật/ phương pháp để quản lý nguồn thu-chi hay tài sản và nghĩa vụ tài chính của cá nhân/hộ gia đình. Thêm nữa, học phần này cũng đề cập đến các trung gian tài chính trong mối quan hệ của các định chế tài chính với cá nhân/hộ gia đình, cũng như nghiên cứu về các công cụ tài chính được các cá nhân và hộ gia đình sử dụng phổ biến. Nội dung bao quát trong chương trình gồm: Tổng quan lập kế hoạch tài chính cá nhân, lập báo cáo tài chính cá nhân và phân tích, quản trị rủi ro tài chính cá nhân, chi tiêu và lối sống, vay mượn và mối quan hệ, phụng sự và sự nghiệp.

11.8. Học phần Sáng tạo và khởi nghiệp

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần này sẽ giúp người học khám phá năng lực sáng tạo của bản thân và nuôi dưỡng khả năng tư duy sáng tạo suốt đời. Cung cấp điểm khởi đầu để bồi đắp tư duy cởi mở và đón nhận sự khác biệt, học phần cũng khuyến khích sinh viên phát triển tư duy nhạy bén với những xu hướng chuyển động của thời đại số, chuẩn bị cho hành trình xây dựng sự nghiệp của bản thân trong tư thế tự chủ. Bên cạnh đó, học phần cũng bước đầu trang bị cho người học những nhận thức sơ khởi về kinh doanh và quản lý trong lĩnh vực khởi nghiệp, khuyến khích sinh viên tự phát triển năng lực khởi nghiệp của bản thân ở vai trò là người sở hữu, đồng sở hữu hoặc thành viên.

11.9. Học phần Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Trên nền tảng hiểu được bản chất của con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của con người, các qui luật tâm lý, người học có thể vận dụng kiến thức về các kỹ năng của nhà lãnh đạo (Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý) vào trong việc xử lý các tình huống thực tế, nhằm đạt được hiệu quả trong quản lý. Sinh viên có thể vận dụng linh hoạt từng kỹ năng của nhà lãnh đạo vào ứng xử các tình huống cụ thể. Kỹ năng Phong cách với Mô hình 3 phong cách: Độc đoán, Dân chủ, Tự do. Kỹ năng Quyền hạn, quyền lực với cơ sở 3 quyền lực: Vị trí, Cá nhân, chính trị. Kỹ năng Động viên, thuyết phục với ứng dụng thuyết Maslow 5 bậc nhu cầu: Căn bản, an toàn, Xã hội, tôn trọng, Thể hiện. Kỹ năng Tâm lý với 3 thuộc tính của Tâm lý: Tính khí, Tính cách, Năng lực.

11.10. Học phần Giáo dục thể chất 1

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, võ thuật, aerobic.

11.11. Học phần Triết học Mác – Lênin

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

11.12. Học phần Pháp luật doanh nghiệp

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần Pháp luật doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khóa học kinh doanh, nắm bắt các nội dung cơ bản của một số vấn đề pháp lý liên quan đến doanh nghiệp, các vấn đề pháp lý trong quan hệ kinh doanh nội bộ doanh nghiệp.

11.13. Học phần Kinh tế vĩ mô

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Nội dung học phần: Học phần tập trung vào các nội dung cơ bản như nghiên cứu cơ chế điều hành và các yếu tố quyết định các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, xác định tổng cung, tổng cầu, vai trò và tác động của chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương và chính sách tỷ giá hối đoái, nghiên cứu và khám phá mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.

11.14. Học phần Nguyên lý kế toán

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Nguyên lý kế toán là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán: Khái niệm, định nghĩa, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị cụ thể. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những kiến thức nền tảng kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

11.15. Học phần Quản trị học

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần quản trị học bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức, phối hợp hoạt động có hiệu quả của Nhà quản trị nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức, trong điều kiện biến động của môi trường kinh doanh. Nội dung học phần gồm 2 phần. Phần tổng quan trang bị cho người học những kiến thức chung về quản trị như: Khái niệm, vai trò của quản trị; sự ra đời và phát triển của các học thuyết về quản trị; môi trường quản trị, vai trò của thông tin trong quản trị; và việc ra quyết định trong quản trị. Phần nghiên cứu các chức năng của quản trị giới thiệu cho người học 4 chức năng chính của Nhà quản trị là: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, và chức năng kiểm tra.

Ngoài ra, học phần còn giới thiệu đến người học chân dung những Nhà quản trị đương thời, các kinh nghiệm thực tế liên quan đến vấn đề quản trị ở các công ty; và một số ứng dụng của các học thuyết quản trị trong các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới được lồng ghép trong từng chương

11.16. Học phần Thống kê trong kinh doanh

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Toán Cao cấp

Nội dung học phần: Bộ cục học phần gồm 3 phần Thống kê mô tả, Xác suất và Thống kê suy diễn nhằm cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp cơ bản phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

11.17. Học phần Tâm lý ứng dụng

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học nói chung; vài nét về lịch sử hình thành Tâm lý học; bản chất của hiện tượng Tâm lý người; những đặc điểm đặc trưng của các hiện tượng Tâm lý cơ bản của con người: các quá trình nhận thức, tình cảm, ý chí và nhân cách và một số hiện tượng tâm lý trong tập thể.

11.18. Học phần Khoa học giao tiếp

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Khoa học giao tiếp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, luật với nội dung bao gồm hệ thống tri thức trọng tâm nhất về giao tiếp. Học phần sẽ được hệ thống hóa và trang bị những vấn đề chung về chung của giao tiếp như khái niệm, nguyên tắc, chức năng, vai trò của

hoạt động giao tiếp; hình thức, phương tiện giao tiếp; giao tiếp xã hội và hệ thống kỹ năng giao tiếp cần phát triển cho sinh viên để đáp ứng yêu cầu hoạt động học tập và công việc trong tương lai.

11.19. Học phần Xã hội học

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên không chuyên ngành xã hội học nói chung, các trường đại học không chuyên nói riêng những kiến thức cơ bản về hệ thống lý luận Xã hội học, bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển của ngành khoa học xã hội trong tiến trình phát triển của nhận thức, tiến bộ xã hội và khoa học kỹ thuật; các khái niệm, phạm trù cơ bản của xã hội học; các lĩnh vực nghiên cứu chính của khoa học xã hội học trong đời sống con người thông qua các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu, học tập học phần xã hội học.

11.20. Học phần Quan hệ quốc tế

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học, học phần còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung học phần gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

11.21. Học phần Văn hóa học

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên các kiến thức, phương pháp học tập, nghiên cứu sau: Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học; Khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học; Phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch; Chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới.

11.22. Học phần Giáo dục thể chất 2

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như cầu lông, bóng chuyền,

bóng đá, võ thuật, aerobic.

11.23. Học phần Giáo dục quốc phòng (4 tuần)

Thời lượng: 165 tiết

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của một quốc gia, các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản trong quân sự, và vai trò của chính trị quân sự trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Kết thúc học phần, sinh viên nâng cao nhận thức về vấn đề an ninh quốc phòng và có ý thức trong việc bảo vệ an ninh quốc gia.

11.24. Học phần Kế toán tài chính

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, các nghiệp vụ và phương pháp, trình tự hạch toán kế toán của một số phần hành kế toán (kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản nợ phải thu – các khoản ứng trước, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán lương và các khoản trích theo lương, kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm).

11.25. Học phần Tư duy lập trình

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tư duy lập trình, cách tiếp cận các phương pháp lập trình, viết lưu đồ giải thuật. Kỹ năng lập trình các ứng dụng cơ bản với ngôn ngữ Python, cách tách chương trình thành nhiều module để xử lý, cách chuyển thể các nghiệp vụ ngoài đời thực vào phần mềm máy tính.

11.26. Học phần Nguyên lý thị trường tài chính

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học căn bản

Nội dung học phần: Gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng, phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước; giải thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước; một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư (lý thuyết lượng cầu tài sản); khái niệm về sự cân bằng, phân tích cung cầu; phân tích biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất; hoạt động trên thị trường ngoại hối; chênh lệch thông tin (lựa chọn nghịch và rủi ro đạo đức)

11.27. Học phần Phân tích dữ liệu

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh

Nội dung học phần: Khóa học này giới thiệu các nguyên tắc cơ bản về phân tích dữ liệu với python. Đầu tiên, nó đánh giá một số thư viện python phổ biến nhất trong khoa học dữ liệu, Numpy, Pandas và Matplotlib. Sau đó, nó tập trung vào các khái niệm cơ bản về thống kê, phân tích chuỗi thời gian và xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Khóa học tuân theo một loạt các dự án phân tích dữ liệu với python làm công cụ. Khóa học sử dụng phương pháp thực hành, tích hợp các khái niệm về phân tích dữ liệu với các ví dụ về mã nguồn Python.

11.28. Học phần Hệ thống thông tin kinh doanh

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung học phần: Học phần dành cho sinh viên năm hai thuộc khối ngành kinh doanh – quản lý. Học phần giới thiệu về cách thức các doanh nghiệp sử dụng công nghệ để quản trị các hoạt động kinh doanh và quản lý trong thực tế. Các nội dung trong học phần hoàn toàn mang tính cập nhật với thực tiễn, người học được tiếp cận và thực hành trên các hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại nhất hiện nay là SAP Business Suite ERP và SAP Business One ERP. Các nội dung thực hành được thiết kế theo tình huống nhập vai (case study), qua đó, người học đóng vai trò là nhân viên trong một doanh nghiệp có quy mô đa quốc gia, làm việc ở các vị trí khác nhau và tham gia tác nghiệp trong các quy trình nghiệp vụ theo ngữ cảnh (business scenario). Toàn bộ tài liệu thực hành, bài tập tình huống, bài giảng và các hệ thống phần mềm sử dụng trong học phần được cung cấp bởi tập đoàn SAP thông qua chương trình SAP UAP (SAP University Alliances Program) mà trường Đại học Kinh tế - Luật là một thành viên. Học phần là khởi đầu cho nhóm học phần tự chọn mở rộng của ngành Hệ thống thông tin quản lý (dành cho sinh viên cuối năm 3 và năm 4), qua đó, người học tiếp tục được trang bị các kiến thức chuyên sâu về SAP ERP, và có thể sẵn sàng làm việc trong các doanh nghiệp tư vấn, triển khai cũng như sử dụng các hệ thống ERP với các vị trí như: Tư vấn triển khai ERP (ERP Consultant), Tư vấn nghiệp vụ (Business Functional Consultant), Kỹ sư cầu nối (Bridge Engineer), Kiểm toán hệ thống thông tin (IT Audit).

11.29. Học phần Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về nền tảng mạng, công nghệ cho kết nối IOT cho hạ tầng công nghệ.

11.30. Học phần Marketing

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần Marketing căn bản tập trung giảng dạy các lý thuyết

cơ bản về phân tích môi trường marketing, khách hàng, ngành và đối thủ cạnh tranh; phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; và một số vấn đề liên quan đến sản phẩm, định giá, phân phối bán hàng, chiêu thị và thương hiệu.

11.31. Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị học Mác – Lênin, gồm: lý luận sản xuất hàng hoá, các quy luật căn bản của thị trường; lý luận giá trị thặng dư của C. Mác; lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước. Nội dung cơ bản về vận dụng học thuyết Mác- Lênin trong thời kỳ xây dựng CNXH ở Việt Nam: kinh tế thị trường định hướng XHCN; vấn đề sở hữu và quan hệ lợi ích; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.

11.32. Học phần Kỹ thuật lập trình

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Tư duy lập trình

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức nâng cao về kỹ năng lập trình ứng dụng với Python, kiến thức về lập trình hướng đối tượng, xử lý tập tin, đóng gói thư viện

11.33. Học phần Quản trị tài chính

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thị trường tài chính

Nội dung học phần: Học phần Quản trị tài chính là học phần cơ sở ngành bắt buộc dành cho sinh viên năm 2 (học kỳ 4) của các ngành kinh tế, kinh doanh. Học phần Quản trị tài chính gồm 7 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề: nguyên tắc tài chính và cơ chế hoạt động tài chính doanh nghiệp thuộc khối tư nhân, phân tích báo cáo tài chính, lý thuyết rủi ro và lợi nhuận và quyết định hoạch định ngân sách vốn đầu tư. Các nội dung bao quát trong chương trình gồm: Tổng quan về quản trị tài chính, báo cáo tài chính và dòng tiền, phân tích báo cáo tài chính, giá trị theo thời gian của tiền, rủi ro và lợi nhuận, các tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư, ước lượng dòng tiền và đánh giá rủi ro dự án.

11.34. Học phần Kinh tế lượng

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh

Nội dung học phần: Học phần này giới thiệu phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hội nhằm hoạch định các chính sách / chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, học phần sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các

quan hệ giữa những yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

11.35. Học phần Cơ sở dữ liệu

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Tư duy lập trình

Nội dung học phần: Học phần trình bày về vai trò, nhu cầu và cách thức của việc quản trị dữ liệu có cấu trúc trong các hệ thống thông tin doanh nghiệp. Học phần giới thiệu các mô hình cơ sở dữ liệu phổ biến, đi sâu vào trình bày và phân tích về mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ và các ứng dụng. Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có đủ các kỹ năng và kiến thức cần thiết để thực hiện đầy đủ các giai đoạn của quá trình xây dựng một cơ sở dữ liệu đáp ứng nhu cầu lưu trữ và khai thác thông tin cho các vấn đề quản trị được đặt ra. Học phần gồm 4 phần: Phần một: Giới thiệu về cơ sở dữ liệu và mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ, các giai đoạn xây dựng cơ sở dữ liệu; Phần hai: Sử dụng ngôn ngữ truy vấn dữ liệu có cấu trúc – SQL trong quản trị cơ sở dữ liệu và khai thác thông tin; Phần ba: Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, giới thiệu các dạng chuẩn, đưa ra các giải pháp để đánh giá và tối ưu hóa cơ sở dữ liệu; Phần bốn: Lập trình phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu với Python.

11.36. Học phần Hệ thống thông tin quản lý

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần gồm 4 phần (i) Phần một: giới thiệu các kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin, các thành phần của một hệ thống thông tin. (ii) Phần hai: cung cấp các kiến thức về các loại hệ thống thông tin theo các khía cạnh quản lý và chức năng; các hệ thống thông tin trong thực tế hiện nay như ERP, SCM, CRM. (iii) Phần ba: trang bị kiến thức về quy trình xây dựng và phát triển hệ thống thông tin. (iv) Phần bốn: giới thiệu kiến thức để quản lý, bảo mật và kiểm soát hệ thống thông tin.

11.37. Học phần Phương pháp nghiên cứu liên ngành

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu liên ngành, định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu liên ngành trong hệ thống thông tin quản lý và thương mại điện tử. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) và cách thức trình bày kết quả một nghiên cứu cũng như vận dụng phương pháp được học trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên.

11.38. Học phần Kinh tế quốc tế

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Nội dung học phần: Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động kinh tế quốc tế và ứng dụng kiến thức để thiết kế một hạng mục trong một dự án xuất nhập khẩu, từ đó tạo ra các sản phẩm liên quan đến hạng mục này. Ngoài ra, Học phần cũng nghiên cứu các phương pháp học tập chủ động, các kỹ năng về làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, giao tiếp trong kinh doanh, thái độ sống tích cực và các vấn đề về đạo đức kinh doanh.

11.39. Học phần Chủ nghĩa Xã Hội Khoa Học

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

11.40. Học phần Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu

Nội dung học phần: Học phần gồm 2 phần. Phần một: Học phần giới thiệu về cơ bản SQL sử dụng kỹ thuật CSDL Oracle 11g. Học phần giới thiệu các khái niệm CSDL quan hệ và ngôn ngữ lập trình SQL. Học phần cung cấp các kỹ năng SQL cần thiết cho phép các nhà phát triển phần mềm viết các vấn tin lấy dữ liệu từ một hoặc nhiều bảng dữ liệu, thao tác dữ liệu trong các bảng dữ liệu. Tìm hiểu các đối tượng trong lược đồ CSDL. Tạo các tập tin chỉ mục, các ràng buộc. Tạo và vấn tin các bảng dữ liệu ngoài, chuyển đổi dữ liệu trong ứng dụng nhà kho dữ liệu Phần hai: tìm hiểu tóm tắt các thành phần kiến trúc của CSDL, quyền hệ thống và quyền đối tượng trong CSDL. Sử dụng công cụ Enterprise Manager (EM) tạo user, gán quyền, tạo các vùng lưu trữ dữ liệu. Học phần sử dụng công cụ chính là Oracle SQL Developer và sử dụng SQL*Plus là công cụ tùy chọn.

11.41. Học phần Phát triển Web Kinh doanh

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật lập trình và Cơ sở dữ liệu

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức để thiết kế và lập trình website kinh doanh đơn giản thông qua các ngôn ngữ lập trình phía máy khách: ngôn ngữ HTML, CSS, JavaScript, XML, mô hình DOM, Angular.

11.42. Học phần Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống thông tin quản lý

Nội dung học phần: Học phần gồm 2 phần. Phần một: giới thiệu và ôn lại các kiến thức về hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin quản lý nói riêng; trình bày các giai đoạn và các phương pháp được ứng dụng tại mỗi giai đoạn của quá trình phân tích và thiết kế, ưu khuyết điểm của các phương pháp; thực trạng ứng dụng và triển khai hệ thống thông tin quản lý tại nước ta hiện nay, các thuận lợi, khó khăn cũng như xu hướng phát triển, các vị trí công việc có liên quan. Phần hai: trình bày cụ thể từng giai đoạn như khảo sát hiện trạng, phân tích yêu cầu, thiết kế các thành phần, đề xuất các giải pháp xây dựng

11.43. Học phần Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống thông tin kinh doanh

Nội dung học phần: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin doanh nghiệp – ERP system. Trong đó, học phần trình bày các khái niệm liên quan đến tổ chức, quy trình nghiệp vụ kinh doanh trong tổ chức và sự hỗ trợ của hệ thống thông tin doanh nghiệp trong quá trình tin học hóa hoạt động kinh doanh.

11.44. Học phần Phân tích marketing số

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần này nằm trong chuỗi các học phần theo hướng ngành Thương mại điện tử - Emarketing nhằm giúp sinh viên hình thành cách nhận thức về phân tích Marketing số. Thông qua việc cung cấp kiến thức nền tảng, lý thuyết và thực hành về phân tích Marketing số, học phần sẽ giúp sinh viên hình thành khả năng phân tích, thiết lập và phân tích Marketing số. Đồng thời, định hướng nghề nghiệp chuyên sâu cho sinh viên trong lĩnh vực Marketing

11.45. Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng. Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập

hiện nay.

11.46. Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

11.47. Học phần An toàn và Bảo mật Hệ thống thông tin

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống thông tin quản lý

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học kiến thức khái quát về bảo mật hệ thống thông tin, các mối đe dọa đối với hệ thống thông tin. Cũng như giúp sinh viên tìm hiểu một số phương pháp bảo mật hệ thống, mã hoá thông tin. Bên cạnh việc giới thiệu một số biện pháp bảo mật cơ sở dữ liệu như phân quyền, kiểm soát truy cập cơ sở dữ liệu và tìm hiểu bảo mật trong các ứng dụng hiện đại (TMĐT, ứng dụng với thiết bị di động)

11.48. Học phần Kiến tập (406)

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Chương trình kiến tập là bắt buộc đối với sinh viên chính qui chương trình trải nghiệm tại doanh nghiệp và hoàn tất một báo cáo kiến tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và sự hỗ trợ từ doanh nghiệp. Chương trình nhằm giúp sinh viên định hướng rõ hơn và có niềm đam mê hơn để theo đuổi nghề nghiệp đã lựa chọn. Chương trình còn giúp sinh viên có điều kiện học hỏi thêm những kiến thức và kỹ năng được áp dụng trong môi trường cụ thể tại doanh nghiệp. Trong quá trình kiến tập, sinh viên có thể quan sát các hoạt động tại doanh nghiệp, có thể được trao đổi, học hỏi và rút ra những bài học kinh nghiệm. Thông qua việc quan sát môi trường thực tế, sinh viên sẽ hiểu rõ ràng hơn về tầm quan trọng của những kiến thức và kỹ năng được đào tạo trên giảng đường. Bên cạnh đó, khi sinh viên trải qua quá trình kiến tập, nhiều kỹ năng mềm của sinh viên sẽ được trau dồi và nâng cao hiệu quả bởi buổi huấn luyện từ các chuyên gia tại doanh nghiệp. Cũng thông qua việc quan sát thực tế đó, sinh viên có cơ hội trao đổi cùng các nhân viên nơi kiến tập, những kiến thức kỹ năng mềm của sinh viên sẽ dần hoàn thiện hơn giúp sinh viên lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và cũng từ đó, sinh viên có nhiều lợi thế hơn trong giai đoạn tìm kiếm công việc chuẩn bị cho thực tập cuối khóa và việc làm sau khi tốt nghiệp.

11.49. Học phần Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1

Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức nâng cao của học phần Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1.

11.50. Học phần Kỹ thuật kiểm thử phần mềm

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng phán đoán, phát hiện lỗi phần mềm, cách thức lên kế hoạch kiểm thử, viết tài liệu kiểm thử. (i) Tổng quan về kiểm thử phần mềm, (ii) Kiểm thử trong quy trình phát triển phần mềm, (iii) Thiết kế trường hợp kiểm thử, (iv) Các công cụ hỗ trợ kiểm thử, (v) Kế hoạch kiểm thử và tài liệu kiểm thử.

11.51. Học phần Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Tư duy lập trình

Nội dung học phần: Học phần này trình bày một số kỹ thuật máy học trong bối cảnh kinh doanh và quản lý. Các doanh nghiệp đang áp dụng công nghệ học máy (Machine Learning, ML) với tốc độ nhanh chóng. Bên cạnh đó, học phần này sẽ giúp sinh viên tìm hiểu và áp dụng một số phương pháp phân loại và dự đoán dùng các phương pháp học máy có giám sát. Ứng dụng các phương pháp học máy nhằm phân tích hành vi và trải nghiệm của khách hàng để cải thiện ra quyết định và hướng đến phát triển sản phẩm mới, hầu như không có lĩnh vực kinh doanh hiện đại nào không thể không cần đến học máy.

11.52. Học phần Phát triển web kinh doanh nâng cao

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Phát triển Web kinh doanh

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức để thiết kế và lập trình website kinh doanh nâng cao thông qua các ngôn ngữ lập trình phía máy khách và máy chủ: Thiết kế, xây dựng và triển khai ứng dụng web kinh doanh với các front-end, back-end frameworks phổ biến. Làm việc thành thạo với các front-end frameworks: Angular, Vuejs, Reactjs,...; back-end: ExpressJs + Nodejs + MongoDB...

11.53. Học phần Nhà kho dữ liệu và tích hợp

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu

Nội dung học phần: Học phần học này giúp cho sinh viên hiểu rõ và có khả năng

thiết kế giải pháp kho dữ liệu và tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau cho mục tiêu phân tích dữ liệu hỗ trợ ra quyết định. Trong đó, sinh viên sẽ biết cách nhận dạng, xác định yêu cầu, thu thập, tổ chức và tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau vào kho dữ liệu. Cụ thể hơn, Học phần học giới thiệu các cấu trúc cơ sở dữ liệu như kho lưu trữ dữ liệu, dữ liệu theo chủ đề, cũng như các thành phần của chúng. Học phần học nghiên cứu sự khác biệt giữa các cách tiếp cận, vai trò và trách nhiệm của Ralf Kimball và Bill Inmon trong việc thiết kế và triển khai kho dữ liệu, hướng dẫn và kỹ thuật quản lý dự án, thu thập yêu cầu, mô hình hóa chiều, kiến trúc tích hợp dữ liệu (Extract Transform và Load - ETL), đặc tả và tải dữ liệu, quản lý dữ liệu master và các phương pháp tích hợp dữ liệu (ETL, EII, EAI) và cuối cùng là hoàn tất việc xây dựng nhà kho dữ liệu với dữ liệu được tích hợp từ nhiều nguồn khác nhau để sẵn sàng cho việc phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định. Bên cạnh đó, Học phần học cũng sẽ giúp sinh viên có khả năng khai thác các công cụ SQL Server bao gồm SQL Server DBMS, SQL Server Integration Services (SSIS) để cung cấp cho sinh viên những kỹ năng và kinh nghiệm thực hành trong việc thực hiện giải pháp kho dữ liệu thông qua các bài tập, tình huống và các dự án.

11.54. Học phần Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu

Nội dung học phần: Học phần này giúp cho sinh viên hiểu rõ và có khả năng cài đặt, vận hành và khai thác giải pháp quản trị và khai thác trí tuệ nhân tạo (Business Intelligences - BI). Việc quản lý dữ liệu, thông tin và đưa ra những thống kê, báo cáo đóng vai trò rất quan trọng đối với mọi đơn vị, tổ chức và đặc biệt là các doanh nghiệp. Các thống kê báo cáo trong BI nhằm cung cấp các thông tin trực quan, chính xác, đầy đủ và kịp thời sẽ giúp các nhà quản trị trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược cũng như xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn. Các con số, biểu mẫu thống kê là cơ sở quan trọng nhất để kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch, chiến lược và chính sách đó. Việc học học phần này, sẽ giúp cho sinh viên vận dụng chuỗi các học phần trước đó như: Cơ sở dữ liệu, các Học phần về kế toán, tài chính và quản lý để tổ chức một hệ thống BI hỗ trợ ra quyết định tốt hơn trong doanh nghiệp dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu bên trong và bên ngoài doanh nghiệp và điều này giúp cho doanh nghiệp đạt được lợi thế cạnh tranh. Bên cạnh đó, học phần này sẽ giúp cho sinh viên rèn luyện những kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng mềm và thái độ trong công việc sau này.

11.55. Học phần Phát triển ứng dụng AI đa nền tảng

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật lập trình, Học máy (Machine learning) trong phân tích kinh doanh.

Nội dung học phần: Học phần Phát triển ứng dụng AI đa nền tảng cung cấp các lý thuyết, công cụ, kỹ thuật lập trình máy học và cách triển khai các ứng dụng AI có khả

năng hoạt động trên nhiều nền tảng và hệ điều hành khác nhau như Android, iOS, Windows, Mac, và Linux. Sinh viên có khả năng triển khai các phần mềm máy học trên desktop, web, mobile để cho phép người dùng trải nghiệm AI trên các thiết bị và môi trường khác nhau mà không bị giới hạn bởi một hệ điều hành cụ thể. Ngoài ra các kiến thức và kỹ thuật về Restful API cũng được cung cấp nhằm giúp xây dựng các API có khả năng tích hợp vào các dịch vụ trên các nền tảng khác nhau nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng trên nhiều thiết bị khác nhau.

11.56. Học phần Chuyển đổi số trong kinh doanh

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần giới thiệu kinh nghiệm “thực chiến” cho quá trình Chuyển đổi số của tác giả Lindsay Herbert- người phụ trách chuyển đổi số tại IBM, trực tiếp chỉ đạo các dự án đổi mới quy mô lớn trên toàn cầu trong mọi lĩnh vực tổ chức, đồng thời là diễn giả nổi tiếng trong lĩnh vực chuyển đổi số. Các bạn sẽ được tham gia vào một buổi thảo luận chi tiết về năm giai đoạn cơ bản của quá trình chuyển đổi số, đó là: 1) Thu hẹp khoảng trống: Thu hẹp khoảng trống những khác biệt vốn có giữa doanh nghiệp với khách hàng và với những thay đổi đang diễn ra hằng ngày trong môi trường kinh doanh; 2) Khám phá: Khám phá các rào cản ẩn trong tổ chức của bạn, tài sản hữu ích và các tài nguyên cần thiết để lập kế hoạch cũng như ưu tiên các tuyến đường để chuyển đổi số; 3) Lắp lại: Lắp lại chu kỳ ngắn, thử nghiệm thực tế với người dùng và thúc đẩy những đổi mới có thể mở rộng; 4) Sử dụng đòn bẩy: Sử dụng đòn bẩy thành công sẽ loại bỏ được các rào cản, tiếp cận được những nguồn lực lớn hơn, mở rộng tầm ảnh hưởng và phạm vi hoạt động; 5) Mở rộng: Mở rộng đổi mới và cách thức làm việc để thích nghi và thay đổi loại hình “doanh nghiệp bình thường” mới.

11.57. Học phần Thương mại điện tử

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về TMĐT cũng như các vấn đề cần nắm bắt liên quan đến phát triển hệ thống TMĐT, xây dựng dự án kinh doanh thương mại điện tử.

11.58. Học phần Hệ thống thông tin kế toán

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, giúp sinh viên hệ thống hóa các học phần trong ngành quản trị doanh nghiệp, từ đó tổ chức hệ thống thông tin kế toán nhằm kiểm soát tài sản cũng như cung cấp kịp thời các thông tin hữu ích cho nhà quản trị trong và ngoài doanh nghiệp khi ra quyết định kinh doanh. Học phần được bắt đầu từ giới thiệu hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, kế đến sẽ mô tả các quy trình kinh doanh chính và mục tiêu kiểm soát

trong từng quy trình, và cuối cùng là các tiêu chí, cơ sở để lựa chọn, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Thông qua lý thuyết được trình bày trên lớp, kết hợp với các tài liệu tham khảo được hướng dẫn, sinh viên sẽ tiến hành xây dựng một hoặc vài quy trình kinh doanh cụ thể tại một đơn vị kinh doanh. Các quy trình này phải phù hợp với quy mô, yêu cầu quản lý và mang tính khả thi.

11.59. Học phần Phát triển ERP mã nguồn mở

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1

Nội dung học phần: Tìm hiểu mã nguồn mở, ngôn ngữ lập trình và ứng dụng mã nguồn mở để phát triển hệ thống ERP cơ bản.

11.60. Học phần Phân tích dữ liệu nâng cao

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Phân tích dữ liệu

Nội dung học phần: Doanh nghiệp trong hầu hết các ngành đều dùng dữ liệu làm căn cứ để đưa ra những quyết định quan trọng để đạt được lợi thế cạnh tranh, kích cầu, tìm kiếm khách hàng mới, cải thiện hệ thống vận hành nội bộ, tối đa hóa lợi nhuận cũng như để đạt được nhiều mục tiêu khác. Chính vì thế, kỹ năng phân tích dữ liệu trở nên rất cần thiết để cung cấp các thông tin hữu ích giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định phù hợp. Học phần này cung cấp các kiến thức về học sâu (Deep Learning), một trong những kỹ thuật tiên tiến được áp dụng vào phân tích dữ liệu kinh doanh giúp cải thiện hiệu suất dự đoán so với các mô hình từ học máy truyền thống.

11.61. Học phần Phát triển thương mại di động

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật lập trình

Nội dung học phần: Điện toán di động, nền tảng kỹ thuật về lập trình ứng dụng di động trên nền tảng Android, mức độ front-end. Khái niệm thương mại di động và các mô hình, hình thức kinh doanh và tiếp thị.

11.62. Học phần Nghệ thuật lãnh đạo

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Trên nền tảng hiểu được bản chất của con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của con người, các qui luật tâm lý, người học có thể vận dụng kiến thức về các kỹ năng của nhà lãnh đạo (Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý) vào trong việc xử lý các tình huống thực tế, nhằm đạt được hiệu quả trong quản lý. Sinh viên có thể vận dụng linh hoạt từng kỹ năng của nhà lãnh đạo vào ứng xử các tình huống cụ thể. Kỹ năng Phong cách với Mô hình 3 phong cách: Độc đoán, Dân chủ, Tự do. Kỹ năng Quyền hạn, quyền lực với cơ sở 3 quyền lực: Vị trí, Cá nhân, chính trị. Kỹ

năng Động viên, thuyết phục với ứng dụng thuyết Maslow 5 bậc nhu cầu: căn bản, an toàn, xã hội, tôn trọng, thể hiện. Kỹ năng tâm lý với 3 thuộc tính của tâm lý: tính khí, tính cách, năng lực.

11.63. Học phần Hệ khuyến nghị

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên cũng như người học những

kiến thức căn bản về hệ khuyến nghị, phân loại các hệ khuyến nghị, các độ đo về tính tương đồng, các chỉ số đánh giá trong hệ khuyến nghị. Những kiến thức nền tảng về các hệ khuyến nghị dựa theo lọc cộng tác, các hệ khuyến nghị dựa trên nội dung. Bên cạnh đó những phương pháp cho dự đoán cho hệ khuyến nghị cũng được nghiên cứu ở mức căn bản và nâng cao. Những kỹ thuật học máy dành cho các hệ khuyến nghị lọc cộng tác cũng được xem xét như KNN và các biến thể của nó, SAR; các mô hình phân rã ma trận: SVD, SVD++, NMF, ALS. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về hệ khuyến nghị lọc cộng tác dùng các mô hình nâng cao như các mô hình tuần tự (A2SVD, Caser, SUM, SLi-Rec), các mô hình dựa trên tính chất phái sinh (VAE, BiVAE), các mô hình dựa trên học sâu (FastAI, NCF, LightGCN...). Các kiến thức nền tảng về hệ khuyến nghị dựa theo nội dung cũng được thảo luận và nghiên cứu (TF-IDF, Word2Vec, GloVe, Doc2Vec, Bert ...). Bên cạnh đó, những khái niệm, những kiến thức nền tảng về hệ khuyến nghị lai cũng được đưa vào nội dung của học phần.

11.64. Học phần: Giới thiệu chuyên ngành Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo; trang bị cho sinh viên những kỹ năng và phương pháp học đại học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết báo cáo, giao tiếp văn bản và trình bày ý kiến. Học phần này còn giới thiệu chi tiết từng học phần và từng chuỗi học phần thuộc chương trình đào tạo cũng sẽ được giới thiệu để sinh viên có thể định hướng rõ ràng trong suốt quá trình học tập, khám phá tiềm năng của bản thân để lựa chọn nghề nghiệp phù hợp và cảm hứng để học ngành đã chọn. Sinh viên được tham quan và tìm hiểu thực tế doanh nghiệp, khảo sát các ngành nghề kinh doanh thông qua các website thương mại điện tử trên Internet, các quy trình kinh doanh và phân tích dữ liệu để phục vụ mục đích quản trị doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên hăng hái vận dụng các kỹ thuật khai phá dữ liệu nhằm phát hiện các tri thức mới hỗ trợ ra quyết định tại tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực cụ thể.

11.65. Học phần Thực tập cuối khóa

Thời lượng (số tín chỉ): 4

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Thực tập cuối khóa là đợt thực tập bắt buộc đối với sinh viên hệ chính quy nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với thực tiễn, củng cố những kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo thông qua một báo cáo thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và doanh nghiệp. Thực tập cuối khóa giúp sinh viên kết nối kiến thức và kỹ năng được đào tạo với thực tiễn liên quan đến ngành nghề, tạo điều kiện cho sinh viên hiểu biết sâu hơn về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, tham gia vào các hoạt động và thậm chí có cơ hội được giao thực hiện các công việc thực tế tại công ty như một người nhân viên. Thực tập cuối khóa cũng nhằm tạo điều kiện cho sinh viên phát

huy khả năng tư duy sáng tạo trong thực tiễn rèn luyện những kỹ năng mềm, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của những nghiệp vụ, những công việc cụ thể tại đơn vị thực tập. Bên cạnh đó, thực tập cuối khóa cũng nhằm giúp sinh viên xây dựng được tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn, có thái độ tích cực hơn với ngành nghề, tiếp cận thực tiễn để hiểu sâu hơn về công tác nghiệp vụ. Hơn thế nữa, sinh viên có nhiều cơ hội tìm hiểu sâu về chuyên môn nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và những công tác cụ thể thuộc về chuyên ngành đào tạo trong cơ quan thực tập, giúp sinh viên nêu cao ý thức trách nhiệm trong công việc và chuẩn bị cho nghề nghiệp đã lựa chọn sau khi tốt nghiệp.

11.66. Học phần Chuyên đề: Big Data và Ứng dụng

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về Big Data: Các khái niệm cơ bản, những lợi ích của Big Data, cũng như các công cụ hỗ trợ cho xử lý dữ liệu lớn như Hadoop, Spark... Bên cạnh đó, sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức về xử lý dữ liệu lớn, hiểu được cơ chế, nguyên lý hoạt động của việc xử lý luồng dữ liệu trực tuyến trên môi trường Big Data. Ngoài ra, sinh viên cũng được trang bị các kiến thức về các thư viện, các kỹ thuật liên quan đến học máy có giám sát, học máy không giám sát và học sâu (Deep Learning) để giải quyết các vấn đề thu thập, tiền xử lý dữ liệu, lựa chọn mô hình, tinh chỉnh mô hình và đánh giá mô hình để phân tích dữ liệu, trực quan hóa dữ liệu trên môi trường Big Data.

11.67. Học phần Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ thống thông tin

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần này cung cấp các kiến thức căn bản về quản lý dự án hệ thống thông tin bao gồm các tiến trình được thực hiện trong dự án và mô hình triển khai dự án phần mềm. Ứng với mỗi tiến trình, sinh viên sẽ được tìm hiểu chi tiết về các công việc quản lý sẽ được thực hiện cũng như nắm rõ đầu vào và đầu ra của mỗi tiến trình.

11.68. Khóa luận tốt nghiệp

Thời lượng (số tín chỉ): 4

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên có điều kiện và cơ hội trong việc nâng cao kiến thức và rèn luyện được thêm nhiều kỹ năng chuyên sâu cần thiết thông qua việc thực hiện một nghiên cứu thuộc ngành đào tạo nhằm giải quyết vấn đề thực tế. Sau khi hoàn thành xong báo cáo khóa luận, sinh viên sẽ rèn luyện được khả năng tư duy, biết cách đặt vấn đề để đưa ra cách giải quyết một cách độc lập và sáng tạo. Tạo điều kiện cho sinh viên có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và

kỹ năng đã được trang bị và phát huy sở trường của mình thông qua việc thực hiện công trình nghiên cứu khoa học. Cụ thể hơn, khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài nghiên cứu một cách có khoa học và sáng tạo; rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo; và rèn luyện cho sinh viên tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình thông qua một báo cáo kết quả nghiên cứu có khả năng liên hệ với thực tiễn.

12. Đội ngũ giảng viên (xem Phụ lục)

12.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần giảng dạy
1	Nguyễn Hoàng Anh	1986	TS, Tài chính – Ngân hàng	7 năm	Tài chính cá nhân, Quản trị tài chính
2	Tô Thị Thanh Trúc	1976	ThS, Tài chính – Ngân hàng	25 năm	Quản trị tài chính
3	Phạm Chí Khoa	1987	ThS, Tài chính – Ngân hàng	11 năm	Tài chính cá nhân
4	Mai Lê Thúy Vân	1982	ThS, Kinh tế		Kinh tế vi mô
5	Huỳnh Thị Ly Na	1988	ThS, Kinh tế		Kinh tế vĩ mô
6	Phạm Mỹ Duyên	1981	ThS, Kinh tế chính trị		Kinh tế chính trị Mác Lênin

7	Nguyễn Thị Thu Trang	1981	TS, Luật kinh tế		Nhập môn Luật học
8	Châu Quốc An	1977	ThS, Luật Kinh tế	15	Nhập môn luật học
9	Hồ Thủy Tiên	1992	ThS, Luật hành chính - hiến pháp	2	Nhập môn luật học
10	Nguyễn Ngọc Phương Hồng	1995	ThS, Luật sở hữu trí tuệ	3	Nhập môn luật học
11	Bùi Thị Hằng Nga	1982	Tiến sĩ, Luật Kinh tế	17 năm	Pháp luật doanh nghiệp;
12	Nguyễn Thị Phương Thảo	1989	Thạc sĩ, Luật Kinh tế	10 năm	Pháp luật doanh nghiệp;
13	Phạm Hoàng Uyên	1976	Tiến sĩ, Toán học	20 năm	Toán kinh tế Thống kê trong kinh doanh Kinh tế lượng
14	Nguyễn Phúc Sơn	1980	Tiến sĩ, Toán học	15 năm	Toán kinh tế Thống kê trong kinh doanh
15	Lê Anh Vũ	1958	PGS.TS, Toán học	40 năm	Toán kinh tế
16	Phạm Văn Chững	1959	Tiến sĩ, Toán học	40 năm	Toán kinh tế Thống kê trong kinh doanh Kinh tế lượng
17	Lê Thanh Hoa	1983	Tiến sĩ, Toán học	15 năm	Toán kinh tế Thống kê trong kinh doanh Kinh tế lượng
18	Phạm Quốc Thuận	1974	TS, Kinh doanh và quản lý		Nguyên lý kế toán

19	Phan Đức Dũng		PGS.TS, Kế toán		Tài chính cá nhân
20	Hoàng Thị Mai Khánh	1986	ThS, Kế toán		Nguyên lý kế toán
21	Hoàng Thọ Phú	1970	ThS, Tài chính – Ngân hàng	Trên 20 năm	Tài chính cá nhân, Quản trị tài chính
22	Nguyễn Thị Diễm Hiền	1976	ThS, Tài chính – Ngân hàng	25 năm	Tài chính cá nhân
23	Phùng Thanh Bình	1984	TS	6	Quản trị học
24	Ngô Thị Dung	1990	ThS	10	Marketing kỹ thuật số
25	Đỗ Đức Khả	1965	ThS	32	Quản trị Marketing
26	Trần Thị Hồng Liên	1983	TS, Quản trị kinh doanh		Quản trị học, Chuyển đổi số trong kinh doanh, Kỹ năng lãnh đạo, Nghệ thuật lãnh đạo
27	Phùng Thanh Bình	1984	TS, Quản trị kinh doanh	8 năm	Marketing, Kỹ năng lãnh đạo, Quản trị học
28	Trần Thị Ánh	1986	ThS, Hệ thống thông tin quản lý	8 năm	Phát triển Web kinh doanh, Phát triển Web Kinh doanh nâng cao, Thương mại điện tử, Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý, Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1, Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2

29	Phạm Mạnh Cường	1986	ThS, Hệ thống thông tin quản lý	11 năm	Thương mại điện tử; Pháp luật và An toàn bảo mật Hệ thống thông tin
30	Trương Hoài Phan	1976	ThS, GVC, Tin học	21 năm	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT), Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh, Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin, Phát triển ERP mã nguồn mở; Chuyển đổi số trong kinh doanh, Tư duy lập trình
31	Hồ Trung Thành	1975	PGS. TS, GVC, Khoa học máy tính	19 năm	Big Data và Ứng dụng, Giới thiệu ngành Hệ thống thông tin quản lý, Hệ thống thông tin quản lý, Trí tuệ doanh nghiệp và Hệ hỗ trợ ra quyết định, Cơ sở dữ liệu, Khai phá dữ liệu
32	Nguyễn Duy Nhất	1980	ThS, Tin học	16 năm	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin kế toán, Trí tuệ doanh nghiệp và Hệ hỗ trợ ra quyết định
33	Lê Hoàng Sử	1978	TS, E-Business	13 năm	Phân tích dữ liệu, Phân tích marketing số, Thương mại điện tử, Chuyển đổi số trong kinh doanh, Phương pháp nghiên cứu liên ngành, Kiến tập (406), Sáng tạo và khởi nghiệp, Phân tích dữ liệu nâng cao
34	Nguyễn Thôn Dã	1980	TS, Hệ thống thông tin	15 năm	Hệ thống thông tin kinh doanh, Phân tích dữ liệu, Khai phá dữ liệu

35	Trần Quang Thân	1966	ThS, Quản trị kinh doanh	20 năm	Hệ quản trị CSDL, Cơ sở dữ liệu
36	Triệu Việt Cường	1982	ThS, Quản trị kinh doanh	10 năm	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin kế toán, Sáng tạo và khởi nghiệp, Phương pháp nghiên cứu liên ngành, Kiến tập (406), Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ thống thông tin
37	Vũ Thúy Hằng	1988	ThS, Hệ thống thông tin quản lý	10 năm	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1, Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2, Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý
38	Lê Hải Nam	1982	ThS, Khoa học máy tính	12 năm	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm, Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin
39	Lê Thị Kim Hiền	1990	TS, Quản trị thông tin	11 năm	Giới thiệu ngành Hệ thống thông tin quản lý, Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1, Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP2, Hệ thống thông tin kinh doanh, Big Data và ứng dụng, Hệ thống thông tin quản lý, Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ thống thông tin (SV không làm KLTN), Phân tích marketing số, Phát triển ERP mã nguồn mở
40	Phan Phi Yến	1987	TS, Quản trị	12 năm	Thương mại điện tử, Chuyển đổi số trong kinh doanh

41	Lê Quốc Hiếu	1976	TS, Quản trị Kinh doanh	19 năm	Thương mại điện tử, Chuyển đổi số trong kinh doanh
42	Vũ Văn Điệp	1970	ThS, Quản trị kinh doanh	20 năm	Hệ thống thông tin kế toán, Hệ thống thông tin doanh nghiệp, Chuyển đổi số trong kinh doanh
43	Nguyễn Quang Hưng	1981	ThS, Quản lý CNTT	14 năm	Hệ thống thông tin kinh doanh, Pháp luật và An toàn bảo mật Hệ thống thông tin
44	Nguyễn Quang Phúc	1989	ThS, Khoa học máy tính	7 năm	Giới thiệu chuyên ngành Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo, Tư duy lập trình, Kỹ thuật lập trình, Phát triển thương mại di động, Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý, Phát triển Web Kinh doanh, Phát triển Web Kinh doanh nâng cao
45	Trần Duy Thanh	1983	TS, Khoa học dữ liệu	14 năm	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT), Kỹ thuật lập trình, Phát triển thương mại di động, Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý, Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh, Phân tích dữ liệu nâng cao, Chuyên đề: Big Data và Ứng dụng,
46	Nguyễn Văn Hồ	1993	ThS, Hệ thống thông tin quản lý	3 năm	Trí tuệ doanh nghiệp và và hệ hỗ trợ ra quyết định, Phân tích dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý, Chuyên đề: Big Data và Ứng dụng,

47	Lâm Hồng Thanh	1991	ThS, Hệ thống thông tin quản lý	3 năm	Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị CSDL, Chuyển đổi số trong kinh doanh
48	Nguyễn Thế Đại Nghĩa	1985	ThS, Quản trị kinh doanh	3 năm	Thương mại điện tử, Chuyển đổi số trong kinh doanh

12.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần giảng dạy
1	Nguyễn Văn Tường	1989	Tiến sĩ Tâm lý học	8 năm	Tâm lý học ứng dụng
2	Nguyễn Viễn Thông	1987	Tiến sĩ Quản lý giáo dục	10 năm	Tâm lý học ứng dụng
3	Nguyễn Thị Phương Hảo	1978	Tiến sĩ Giáo dục cộng đồng	20 năm	Tâm lý học ứng dụng
4	Hà Văn Tú	1982	Thạc sỹ	18 năm	Khoa học giao tiếp
5	Kim Thị Dung	1957	Thạc sỹ	35 năm	Khoa học giao tiếp
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	1958	Thạc sỹ	35 năm	Khoa học giao tiếp
7	Hà Văn Tú	1982	Thạc sỹ	18 năm	Khoa học giao tiếp
8	Nguyễn Thị Như Thúy	1983	Tiến sĩ, Xã hội học	17 năm kinh nghiệm	Xã hội học
9	Nguyễn Thị Thùy Trang	1981	NCS, ThS Xã hội học	20 năm	Xã hội học
10	Nguyễn Nữ Nguyệt Anh	1982	Tiến sĩ, Xã hội học TN Tiến sĩ tại Úc	17 năm kinh nghiệm, Giảng dạy bằng tiếng Anh	Xã hội học

11	Nguyễn Anh Thường	1973	Tiến Sỹ	20 năm	Logic học PPNC Khoa học
12	Nguyễn Trung Hiếu	1993	Thạc sỹ	5 năm	Logic học Triết học
13	Đào Minh Hồng		TS	17 năm	Quan hệ quốc tế
14	Nguyễn Ngọc Thơ		TS	13 năm	Văn hóa học
15	Phạm Khánh Bằng		GVC.ThS	16 năm	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
16	Đinh Thị Điều		GVC.ThS	15 năm	Tư tưởng Hồ Chí Minh
17	Phạm Xuân Kiên	1975	ThS, Quản trị thông tin	18 năm	Quản lý dự án Hệ thống thông tin
18	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	1992	ThS, Hệ thống thông tin	3 năm	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm
19	Nguyễn Phát Đạt	1993	ThS, Hệ thống thông tin	3 năm	Phân tích dữ liệu
20	Lê Bá Thiên	1997	ThS, Khoa học máy tính	3 năm	Tư duy lập trình, Kỹ thuật lập trình
21	Huỳnh Tấn Phước	1979	TS, Công nghệ truyền thông	15 năm	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin .

12.3. Danh sách cố vấn học tập

STT	Cố vấn học tập
1	PGS.TS, GVCC Hồ Trung Thành
2	ThS, GVC Trương Hoài Phan
3	TS. Nguyễn Thôn Dã
4	ThS. Nguyễn Duy Nhất (NCS)
5	ThS. Trần Thị Ánh

6	ThS. Vũ Thúy Hằng
7	ThS. Triệu Việt Cường (NCS)
8	TS. Lê Thị Kim Hiền
9	ThS. Nguyễn Quang Hưng (NCS)
10	ThS. Nguyễn Quang Phúc
11	ThS. Nguyễn Văn Hồ
12	ThS. Lâm Hồng Thanh
13	ThS. Nguyễn Thế Đại Nghĩa
14	ThS. Phạm Mạnh Cường

13. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo (xem Phụ lục)

13.1 Phòng học

Tại cơ sở nhà điều hành và học tập của Trường đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG TP.HCM tại Khu phố 3 - Phường Linh Xuân - Quận Thủ Đức.

Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành

STT	Tên phòng thí nghiệm, địa chỉ	Đơn vị chủ quản	Học phần	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (máy tính)
1	Phòng Lab Business Intelligence	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Khởi nghiệp kinh doanh Thương mại điện tử Phục vụ cho các hướng nghiên cứu về Thương mại điện tử và Hệ thống thông tin quản lý Phục vụ đề tài nghiên cứu xây dựng sản phẩm giao dịch thị trường thương mại điện tử ảo Nghiên cứu lĩnh vực BigData (Dữ liệu lớn) trong Thương mại điện tử.	55
2	Phòng máy 601 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Tư duy lập trình Kỹ thuật lập trình	45

3	Phòng máy 607 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở Hệ thống thông tin kinh doanh Cơ sở dữ liệu	45
4	Phòng máy 501 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Phân tích dữ liệu Web Thiết kế Web kinh doanh Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	45
5	Phòng máy 511 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Khai phá dữ liệu và Nhà kho dữ liệu	45
6	Phòng máy 707 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Phát triển ứng dụng di động	45

13.2 Hội trường

Trường đại học Kinh tế-Luật có 1 hội trường với tổng diện tích 923 m² được trang bị hiện đại, sử dụng cho hoạt động công tác của Trường và các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào của sinh viên.

13.3. Thư viện

Thư viện trường với cơ sở chính tọa lạc tại tòa nhà KTLB2 và cơ sở hai tại số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1.

Hệ thống thư viện: thư viện có khoảng 630 chỗ ngồi với tổng diện tích 1.912 m²; Với số lượng tài liệu lớn và thường xuyên được cập nhật, bổ sung theo yêu cầu của giảng viên nhằm đảm bảo mỗi học phần đều có ít nhất là 1 giáo trình và 5 tài liệu tham khảo. Bên cạnh đó, các loại sách, báo, tạp chí cần thiết đều được đặt mua định kỳ. Sinh viên chương trình chất lượng cao được cấp miễn phí sách giáo trình và tài liệu tham khảo do Trường đại học Kinh tế - Luật xuất bản và được mượn giáo trình khác từ thư viện trong suốt quá trình học học phần của chương trình đào tạo; Trường đã trang bị máy scan, máy in phục vụ cho việc sao lưu tài liệu học tập của sinh viên:

Tổng diện tích thư viện 1.912 m². Số chỗ ngồi: 630

Số lượng máy tính có kết nối internet: 57 máy. 02 máy Scan, 01 máy photocopy phục vụ miễn phí cho sinh viên in ấn tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học.

Phần mềm quản lý thư viện: Seirra;

Thư viện trường ĐH Kinh tế - Luật: là thành viên trong khối ĐHQG HCM nên bạn đọc được sử dụng chung nguồn tài nguyên thông tin (sách, giáo trình, tài liệu điện tử trong nước và nước ngoài) của các thư viện thành viên. có thư viện điện tử, đã kết nối được với 01 CSDL điện tử ngoài nước (OECD); Số lượng sách, giáo trình điện tử: 54 e-book. Kết nối: Thư viện ĐH Kinh tế - Luật đã kết nối và chia sẻ nguồn lực thông tin với 04 trường Đại học trong nước: Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật TP.HCM, Đại học

Ngân hàng, Đại học kiểm sát; kết nối với mạng lưới thư viện các trường Đại học ASEAN (AUNILo, link: <https://aunilosec.blog/>).

Thư viện trung tâm ĐHQG TP.HCM: có thư viện điện tử, đã kết nối được với 04 CSDL điện tử trong nước (Bộ sưu tập số toàn văn: Sách/Bài giảng/Luận án tất cả các chủ đề; Toàn văn 13 tạp chí khoa học trong nước từ năm 2007 đến nay; Toàn bộ tài liệu Khoa học và Công nghệ của Cục KH và CN Quốc gia Việt Nam; CSDL Ebook tiếng Việt của Nhà xuất bản Tổng hợp TP. HCM bao gồm: sách giáo khoa, giáo trình, từ điển thuộc tất cả các lĩnh vực) và CSDL thống kê VIETDATA, đã kết nối được với 14 CSDL điện tử ngoài nước: Acs (American Chemical Society), Asme (American Society Of Mechanical Engineers, Ieee Xplore Digital Library, Ig Publishing, Iop Science Journals, JI (John Libbey Eurotext), Mathscinet, Mit Opencourseware, Nature, Oxford Scholarship Online, Proquest Central, Sciencedirect, Springer Open, Springerlink, Số lượng sách, giáo trình điện tử: 267 ebook. Thư viện của Trường Đại học Kinh tế-Luật: được trang bị máy tính kết nối Internet.

Giáo trình, tập bài giảng của ngành đào tạo

TT	Học phần	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xb
1	Tư duy lập trình	Kỹ thuật lập trình cơ bản	Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan, Trần Duy Thanh	ĐHQG	2019
2	Kỹ thuật lập trình	Kỹ thuật lập trình nâng cao	Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan, Trần Duy Thanh	ĐHQG	2019
3	Hệ thống thông tin kinh doanh	Essentials of business process and Information systems	Simha R. Magal and Jeffrey Word	Wiley	2009
4	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	Computer Networking – A Top Down Approach - 6th Edition	James F.Kurose và Keith W.Ross		2013
5	Thương mại điện tử	E-Commerce 2019: Business, Technology and	Kenneth C. Laudon • Carol	Pearson	2020

		Society (15th Edition)	Guercio Traver		
6	Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo	[1] Managing Digital Transformation: Understanding the Strategic Process. [2]. Digital Transformation – Chuyển đổi số,	[1] Hinterhuber, A., Vescovi, T. and Checchinato, F. eds., [2] Lindsay Herbert, Nguyễn Bích Phương dịch.	[1]Routledge [2]Alpha books	[1]2021. [2]2020.
7	Cơ sở dữ liệu	Modern Database Management	Jeffrey A. Hoffer	Pearson Education	2016
8	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	“Systems Analysis and Design”, 9th Edition,	K. Kendall và J. Kendall	Prentice Hall, Pearson Education	2014
9	Chuyển đổi số trong kinh doanh	Digital Transformation - Chuyển Đổi Số	Lindsay Herbert (Nguyễn Bích Phương dịch)	NXB Thông Tin và Truyền Thông	2020
10	Marketing điện tử	E-marketing: International Student Edition (8th edition)	Alexa Fox Judy Strauss, Frost Raymond D.	Routledge	2018
11	Phát triển Website Kinh doanh	Programming in HTML5 with JavaScript and CSS3		PUBLISHED BY Microsoft Press	
12	Phát triển thương mại di động	Android 4 Application Development	Reto Meier	Wiley	2012
13	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	Electronic Customer relationship management,	Jerry Fjermestad, Nicholas C., Jr. Romano	M.E. Sharpe,	2015

14	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1	Integrated Business processes with ERP System	Simha R. Magal Jeffrey Word	WILEY	2012
15	Phân tích dữ liệu với R/Python	Python for Data Analysis: Data Wrangling with Pandas, NumPy, and Ipython, 2nd edition	Wes McKinney	O'Reilly Media	2017
16	Phát triển thương mại di động nâng cao	Phát triển ứng dụng di động nâng cao	Lê Hoàn Sử, Hồ Trung Thành, Trần Duy Thanh	ĐHQG	2017
17	Phân tích dữ liệu WEB	Mining the Social Web	Matthew A. Russell, Mikhail Klassen	O'Reilly Media, Inc.	2019
18	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	Analytics, Data Science, và Artificial Intelligence, 11e, Global Edition	Ramesh Sharda, Dursun Delen, and Efraim Turban	Pearson Education	2021
19	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	Analytics, Data Science, và Artificial Intelligence, 11e, Global Edition	Ramesh Sharda, Dursun Delen, and Efraim Turban	Pearson Education	2021
20	Quản trị chuyển đổi số	Managing Digital Transformation	Andreas Hinterhuber, Tiziano Vescovi, Francesca Checchinato	Routledge	2021
21	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Bài tập thực hành hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Trần Quang Thân, Nguyễn Thôn Dã	NXB ĐHQG TP.HCM	2015

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình dự kiến áp dụng từ năm học 2023-2024

15. Kế hoạch bảo đảm chất lượng

Chương trình sẽ được cập nhật định kỳ 2 năm 1 lần và có thay đổi lớn định kỳ 4 năm 1 lần. Trong 4 năm, khoa sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và những nhà chuyên môn để hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu cao nhất cho xã hội.

16. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

(xem Phụ lục)

17. Sơ đồ cấu trúc tiến trình đào tạo của chương trình

(xem Phụ lục)

TRƯỞNG KHOA



Lê Hoàng Sử

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh

PHỤ LỤC

12.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, học phần trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệp	Hợp đồng lao động		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Giảng viên cơ hữu	Giảng viên hợp đồng trên 12 tháng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Trương Hoài Phan	087076000154, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2002	Tin học	X		0202086181	18		2	
	20/12/1976											
2	Nguyễn Thôn Dã	064080000076, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt	Hệ thống thông tin	X		0207253075	15	2	2	

	30/05/1980			Nam, 2020								
3	Lê Thị Kim Hiền	052190006966, Việt Nam		Tiến sỹ, Đài Loan, 2022	Quản lý thông tin	X		7912066295	10			
	20/08/1990											
4	Hà Hải Đăng	095094002717, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2019	Quản trị kinh doanh	X		7916261186	1			
	20/03/1994											
5	Trần Quang Thân	079066010623, Việt Nam		Thạc sỹ, Malaysia, 2015	Quản trị kinh doanh	X		0204160013	10		1	
	19/10/1966											
6	Nguyễn Quang Phúc	080089012389, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Khoa học máy tính	X		7916464392	5			
	26/04/1989											
7	Hồ Trung Thành	074075004201, Việt Nam	PGS.TS , 2023	Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Khoa học máy tính	X		0204371656	13			
	06/08/1975											
8	Phạm Mạnh Cường	240875812, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt	Hệ thống thông tin	X		7912147116	8	0	1	

	08/06/1986			Nam, 2011	quản lý							
9	Nguyễn Thế Đại Nghĩa	079085010070, Việt Nam		Thạc sỹ, Hoa Kỳ, 2011	Quản trị kinh doanh	X		7912272665	3			
	03/02/1985											
10	Nguyễn Duy Nhất	023459704, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2006	Tin học	X		0207115434	12			
	12/10/1980											
11	Lê Hải Nam	079082019468, Việt Nam		Thạc sỹ, Nga, 2007	Tin học và toán ứng dụng	X		0207379763	12			
	28/07/1982											
12	Phan Công Chính	1234567890, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2006	Công nghệ thông tin		X (Hợp đồng chuyên môn)	0	11			
	28/04/1972											
13	Nguyễn Văn Hồ	215217065, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2020	Hệ thống thông tin quản lý	X		7915302534	2			
	12/02/1993											

14	Vũ Thúy Hằng	070188000211, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2013	Hệ thống thông tin quản lý	X		7910522889	11		2	
	13/10/1988											
15	Triệu Việt Cường	075082016414, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2008	Quản trị kinh doanh	X		0205122257	8		1	
	02/12/1982											
16	Nguyễn Quang Hưng	079081018474, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Quản trị và quản lý công nghệ thông tin	X		0204305225	7	2	4	
	29/10/1981											
17	Trần Thị Ánh	038186034439, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2015	Hệ thống thông tin quản lý	X		7908398859	7		4	
	07/01/1986											
18	Lê Hoàn Sinh	066078000071, Việt Nam		Tiến sỹ, Hàn Quốc, 2016	Kinh doanh điện tử	X		7912147115	9		4	
	18/09/1978											
19	Lâm Hồng Thanh	272140256, Việt Nam		Thạc sỹ, Đài Loan,	Quản trị thông tin	X		7913103864	3			

	15/05/1991			2019								
20	Vũ Văn Điệp	034070021650, Việt Nam		Thạc sỹ, Malaysia, 2013	Quản trị kinh doanh	X		0203341866	10		1	
	10/03/1970											
21	Phan Phi Yến	271743181, Việt Nam		Thạc sỹ, Anh, 2013	Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng	X		7910100161	0			
	09/08/1987											
22	Trần Duy Thanh	250592829, Việt Nam		Tiến sỹ, Hàn Quốc, 2023	Khoa học dữ liệu	X		7911444394	7	2	2	
	20/12/1983											
23	Lê Quốc Hiếu	025362645, Việt Nam			Công nghệ thông tin		X (Hợp đồng chuyên môn)	0	6			
	10/03/1976											

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

12.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, học phần trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Mai Lê Thúy Vân	Kinh tế vi mô	Học kỳ 1 năm thứ nhất	x				x
2	Nguyễn Anh Thường	Logic học	Học kỳ 1 năm thứ nhất			X		x
3	Nguyễn Đình Uông	Toán kinh tế	Học kỳ 1 năm thứ nhất	x				x
4	Nguyễn Thị Thu Trang	Nhập môn Luật học	Học kỳ 1 năm thứ nhất	x				x
5	Phạm Chí Khoa	Tài chính cá nhân	Học kỳ 1 năm thứ nhất			X		x
6	Mạch Thị Khánh Trinh	Triết học Mác-Lênin	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				x
7	Đào Thị Thu Hằng	Pháp luật doanh nghiệp	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				x

8	Nguyễn Phương An	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 2 năm thứ ba	x					x
9	Huỳnh Thanh Tú	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	Học kỳ 1 năm thứ nhất			X			x
10	Trần Thị Hồng Liên	Nghệ thuật lãnh đạo	Học kỳ 1 năm thứ tư			X			x
11	Kim Thị Dung	Khoa học giao tiếp	Học kỳ 2 năm thứ nhất			X			x
12	Nguyễn Thị Anh Thư	Tâm lý ứng dụng	Học kỳ 2 năm thứ nhất			X			x
13	Đinh Thị Điều	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học kỳ 2 năm thứ ba	x					x
14	Đỗ Thị Ngát	Chủ nghĩa Xã Hội Khoa Học	Học kỳ 1 năm thứ hai	x					x
15	Hồ Thị Hồng Minh	Nguyên lý thị trường tài chính	Học kỳ 1 năm thứ hai	x					x
16	Hồ Xuân Thuỷ	Nguyên lý kế toán	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x					x
17	Huỳnh Ngọc Chương	Kinh tế vĩ mô	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x					x
18	Nguyễn Thị Hồng Xoan	Xã hội học	Học kỳ 2 năm thứ nhất			X			x

19	Nguyễn Thị Mộng Ngọc	Thống kê trong kinh doanh	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				x
20	Phùng Thanh Bình	Marketing	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				x
		Sáng tạo và khởi nghiệp	Học kỳ 1 năm thứ nhất				X	x
21	Võ Thị Lệ Uyên	Kinh tế lượng	Học kỳ 2 năm thứ hai	x				x
22	Bạch Thị Thu Hiền	Văn hóa học	Học kỳ 2 năm thứ nhất			X		x
23	Bùi Thạch Hồng Hưng	Quan hệ quốc tế	Học kỳ 2 năm thứ nhất			X		X
24	Nguyễn Minh Châu	Quản trị học	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				X
25	Huỳnh Thị Ly Na	Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				X
26	Phạm Quốc Thuận	Nguyên lý kế toán	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				X
27	Lợi Minh Thanh	Kế toán tài chính	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				X
28	Lê Hoàng Vinh	Quản trị tài chính	Học kỳ 2 năm thứ hai	x				X

29	Phạm Mỹ Duyên	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học kỳ 2 năm thứ hai	x					X
30	Lâm Hồng Thanh	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	Học kỳ 1 năm thứ nhất				X		X
		Cơ sở dữ liệu	Học kỳ 2 năm thứ hai						X
		Chuyển đổi số trong kinh doanh	Học kỳ 1 năm thứ tư				X		X
31	Lê Hải Nam	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	Học kỳ 1 năm thứ hai	x					X
32	Lê Hoàng Sử	Phân tích dữ liệu	Học kỳ 1 năm thứ hai	x					X
		Phân tích marketing số	Học kỳ 1 năm thứ hai				X		X
		Thanh toán điện tử	Học kỳ 1 năm thứ tư	x					X
33	Lê Thị Kim Hiền	Giới thiệu ngành Hệ thống thông tin quản lý	Học kì 1 năm thứ nhất	x					x
		Quản lý dự án Hệ Thống thông tin (đối với sinh viên không làm KLTN)	Học kỳ 2 năm thứ tư				x		X

		Hệ thống thông tin quản lý	Học kỳ 2 năm thứ hai	x				X
		Phương pháp nghiên cứu liên ngành	Học kỳ 2 năm thứ hai			x		X
34	Lợi Minh Thanh	Kế toán tài chính	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				X
35	Nguyễn Duy Nhất	Hệ thống thông tin kinh doanh	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				X
		Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	Học kỳ 1 năm thứ ba	x				X
		Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2	Học kỳ 2 năm thứ ba			X		
36	Nguyễn Quang Hưng	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	Học kỳ 1 năm thứ tư	x				X
37	Nguyễn Quang Phúc	Giới thiệu chuyên ngành Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo	Học kỳ 1 năm thứ nhất	x				x
		Tư duy lập trình	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				X
		Phát triển Web kinh doanh	Học kỳ 1 năm thứ ba	x				X

		Phát triển web kinh doanh nâng cao	Học kỳ 2 năm thứ ba	x				X
38	Trần Duy Thanh	Kỹ thuật lập trình	Học kỳ 2 năm thứ hai	x				X
		Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	Học kỳ 2 năm thứ ba			X		X
		Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	Học kỳ 2 năm thứ ba			X		X
		Phát triển Thương mại di động	Học kỳ 1 năm thứ tư	x				X
		Phân tích dữ liệu nâng cao	Học kỳ 1 năm thứ tư			X		X
39	Trần Thị Ánh	Thương mại điện tử	Học kỳ 1 năm thứ tư	x				X
40	Vũ Thúy Hằng	Hệ thống thông tin kinh doanh	Học kỳ 1 năm thứ hai			x		X
		Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	Học kỳ 1 năm thứ ba	x				X
41	Trương Hoài Phan	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				X
		Phát triển ERP mã nguồn mở	Học kì 1 năm thứ tư					

42	Trần Quang Thân	Cơ sở dữ liệu	Học kỳ 2 năm thứ hai	x				X
		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Học kỳ 2 năm học thứ hai					
43	Triệu Việt Cường	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	Học kỳ 1 năm thứ ba	x				X
		Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ thống thông tin	Học kỳ 2 năm thứ tư					
44	Nguyễn Văn Hồ	Phân tích dữ liệu	Học kỳ 1 năm thứ hai	X				x
		Nhà kho dữ liệu và tích hợp	Học kỳ 1 năm thứ ba					
		Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	Học kỳ 2 năm ba	x				X
45	Nguyễn Phát Đạt	Phân tích dữ liệu	Học kỳ 1 năm thứ hai	X				
		Tư duy lập trình	Học kỳ 1 năm thứ hai	X				
46	Lê Bá Thiên	Kỹ thuật lập trình	Học kỳ 2 năm thứ hai	X				
		Nhà kho dữ liệu và tích hợp	Học kỳ 1 năm thứ ba	X				

47	Nguyễn Thôn Dã	Hệ khuyến nghị	Học kỳ 1 năm thứ tư			X		X
		Chuyên đề: Big data và ứng dụng	Học kì 2 năm thứ tư	X				X

12.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lê Hoàng Sử, 18/09/1978, Trưởng Khoa	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2016	Kinh doanh điện tử	
2	Lê Thị Kim Hiền, 20/08/1990, Phó Trưởng Khoa	Tiến sĩ, Đài Loan, 2022	Quản lý thông tin	

12.4. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy học phần

12.4.1 Chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý

STT	Học phần	Mã học phần	Họ tên giảng viên giảng dạy 1	Họ tên giảng viên giảng dạy 2	Họ tên giảng viên giảng dạy 3
HỌC KỲ 1					
Học phần bắt buộc	1. Giới thiệu chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý	BIM5006	Lê Thị Kim Hiền	Hồ Trung Thành	
	2. Kinh tế vi mô	BEE1037	Mai Lê Thúy Vân		
	3. Nhập môn Luật học	BLB1048	Nguyễn Thị Thu Trang		
	4. Toán kinh tế	BMM2024	Nguyễn Đình Ưông	Phạm Hoàng Uyên	Lê Thanh Hoa

Học phần tự chọn	5. Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	BIE1051	Trương Hoài Phan	Trần Duy Thanh	
	6. Logic học	BDG1011	Phạm Đình Nghiệm		
	7. Tài chính cá nhân	BFF1047	Phan Đức Dũng	Hoàng Thọ Phú	
	8. Sáng tạo và khởi nghiệp	BBM1065	Trần Thị Hồng Liên	Phùng Thanh Bình	
	9. Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	BBB1068	Trần Thị Hồng Liên	Phùng Thanh Bình	
	10. Giáo dục thể chất 1	BDG1012			
HỌC KỲ 2					
Học phần bắt buộc	1. Triết học Mac – Lênin	BDG1001			
	2. Pháp luật doanh nghiệp	BKB1046	Đào Thị Thu Hằng		
	3. Kinh tế vĩ mô	BEE1038	Huỳnh Thị Ly Na		
	4. Nguyên lý kế toán	BAA2028	Phạm Quốc Thuần	Phan Đức Dũng	
	5. Quản trị học	BBB1067	Trần Thị Hồng Liên	Phùng Thanh Bình	
	6. Thống kê trong kinh doanh	BMA2022	Phạm Hoàng Uyên		

Học phần tự chọn	7. Tâm lý ứng dụng	BDG1006	Lê Tuyết Ánh		
	8. Khoa học giao tiếp	BDG1007	Lê Tuyết Ánh		
	9. Xã hội học	BDG1008			
	10. Quan hệ quốc tế	BDG1009	Đào Minh Hồng		
	11. Văn hóa học	BDG1010	Nguyễn Ngọc Thơ		
	12. Giáo dục thể chất 2	BDG1013			
	13. Giáo dục quốc phòng (4 tuần)	BDG1014			
HỌC KỲ 3					
Học phần bắt buộc	1. Kế toán tài chính	BAA2029	Hoàng Thọ Phú		
	2. Tư duy lập trình	BIM3049	Trương Hoài Phan	Nguyễn Quang Phúc	Lê Bá Thiên
	3. Nguyên lý thị trường tài chính	BFF2044	Hoàng Thọ Phú		
	4. Phân tích dữ liệu	BMA2025	Lê Hoành Sử	Nguyễn Văn Hồ	
	5. Hệ thống thông tin kinh doanh	BIM2050	Nguyễn Quang Hưng	Nguyễn Thôn Dã	
	6. Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	BIM5020	Trương Hoài Phan	Lê Hải Nam	
	7. Marketing	BBM2066	Phùng Thanh Bình		
HỌC KỲ 4					

Học phần bắt buộc	1. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	BEE1002			
	2. Kỹ thuật lập trình	BIE5019	Nguyễn Quang Phúc	Trần Duy Thanh	Lê Bá Thiên
	3. Quản trị tài chính	BFF2045			
	4. Kinh tế lượng	BMA2023	Phạm Hoàng Uyên	Lê Thanh Hoa	
	5. Cơ sở dữ liệu	BIE3004	Trần Quang Thân	Lâm Hồng Thanh	
	6. Hệ thống thông tin quản lý	BIM5013	Lê Thị Kim Hiền	Nguyễn Văn Hồ	
Học phần tự chọn	7. Phương pháp nghiên cứu liên ngành	BIE5032	Lê Hoàng Sử	Triệu Việt Cường	
	8. Kinh tế quốc tế	BRE2030			
HỌC KỲ 5					
Học phần bắt buộc	1. Chủ nghĩa Xã Hội Khoa Học	BDG1003			
	2. Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	BIM5011	Lâm Hồng Thanh	Trần Quang Thân	
	3. Phát triển Web Kinh doanh	BIE5030	Trần Thị Ánh	Nguyễn Quang Phúc	
	4. Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	BIM5022	Vũ Thúy Hằng	Lê Thị Kim Hiền	

	5. Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	BIE5045	Nguyễn Duy Nhất	Nguyễn Quang Hưng	
Học phần tự chọn	6. Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	BIM5018	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Lê Hải Nam	
	7. Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	BIE5038	Lê Hoàng Sử	Trần Thị Ánh	
HỌC KỲ 6					
Học phần bắt buộc	1. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BDG1005	Phạm Khánh Bằng		
	2. Tư tưởng Hồ Chí Minh	BDG1004	Đinh Thị Điều		
	3. Phát triển Web Kinh doanh nâng cao	BIE5031	Trần Thị Ánh	Nguyễn Quang Phúc	
	4. Nhà kho dữ liệu và tích hợp	BIM5021	Nguyễn Văn Hồ	Lê Bá Thiên	Hồ Trung Thành
	5. Kiến tập	BUU6002	Lê Hoàng Sử	Triệu Việt Cường	
Học phần tự chọn	6. Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2	BIE5046	Trần Thị Ánh	Lê Thị Kim Hiền	
	7. Phân tích marketing số	BIM5026	Lê Hoàng Sử	Phạm Mạnh Cường	
	8. Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	BIM4014	Trần Duy Thanh	Trương Hoài Phan	
	9. Chuyển đổi số trong kinh doanh	BIE5003	Lâm Hồng Thanh	Nguyễn Thế Đại Nghĩa	

	10. Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	BIM5006	Lê Hoàng Sử	Trần Duy Thanh	
HỌC KỲ 7					
Học phần bắt buộc	1. An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	BIM5001	Nguyễn Quang Hưng	Phạm Mạnh Cường	
	2. Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	BIM5047	Nguyễn Văn Hồ	Lê Bá Thiên	Hồ Trung Thành
	3. Thương mại điện tử	BIE5043	Lê Hoàng Sử	Trần Thị Ánh	
Học phần tự chọn	4. Hệ thống thông tin kế toán	BIM5012	Vũ Văn Điệp	Nguyễn Duy Nhất	
	5. Phát triển ERP mã nguồn mở	BIM5027	Trương Hoài Phan	Lê Thị Kim Hiền	
	6. Phân tích dữ liệu nâng cao	BIM5024	Trần Duy Thanh	Lê Hoàng Sử	
	7. Phát triển thương mại di động	BIE5028	Nguyễn Quang Phúc	Trần Duy Thanh	
	8. Nghệ thuật lãnh đạo	BBB5027	Trần Thị Hồng Liên		
HỌC KỲ 8					
Học phần bắt buộc	1. Thực tập cuối khóa	BUU6003			
Học phần tự chọn	2. Chuyên đề: Big Data và Ứng dụng (SV không làm KLTN)	BIM4002	Trần Duy Thanh	Nguyễn Văn Hồ	

	3. Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ thống thông tin (SV không làm KLTN)	BIM4034	Lê Thị Kim Hiền	Triệu Việt Cường	
	4. Khóa luận tốt nghiệp	BUU6001			

12.4.2 Chuyên ngành Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo

STT	Học phần	Mã học phần	Họ tên giảng viên giảng dạy 1	Họ tên giảng viên giảng dạy 2	Họ tên giảng viên giảng dạy 3
HỌC KỲ 1					
Học phần bắt buộc	1. Giới thiệu chuyên ngành Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo	BIM5008	Nguyễn Quang Phúc	Nguyễn Văn Hồ	
	2. Kinh tế vi mô	BEE1037	Mai Lê Thúy Vân		
	3. Nhập môn Luật học	BLB1048	Nguyễn Thị Thu Trang		
	4. Toán kinh tế	BMM2024	Nguyễn Đình Ưông	Phạm Hoàng Uyên	Lê Thanh Hoa
Học phần tự chọn	5. Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	BIE1051	Trương Hoài Phan	Trần Duy Thanh	
	6. Logic học	BDG1011	Phạm Đình Nghiệm		
	7. Tài chính cá nhân	BFF1047	Phan Đức Dũng	Hoàng Thọ Phú	
	8. Sáng tạo và khởi nghiệp	BBM1065	Trần Thị Hồng	Phùng Thanh Bình	

			Liên		
	9. Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	BBB1068	Trần Thị Hồng Liên	Phùng Thanh Bình	
	10. Giáo dục thể chất 1	BDG1012			
HỌC KỲ 2					
Học phần bắt buộc	1. Triết học Mac – Lênin	BDG1001			
	2. Pháp luật doanh nghiệp	BKB1046	Đào Thị Thu Hằng		
	3. Kinh tế vĩ mô	BEE1038	Huỳnh Thị Ly Na		
	4. Nguyên lý kế toán	BAA2028	Phạm Quốc Thuần	Phan Đức Dũng	
	5. Quản trị học	BBB1067	Trần Thị Hồng Liên	Phùng Thanh Bình	
	6. Thống kê trong kinh doanh	BMA2022	Phạm Hoàng Uyên		
Học phần tự chọn	7. Tâm lý ứng dụng	BDG1006	Lê Tuyết Ánh		
	8. Khoa học giao tiếp	BDG1007	Lê Tuyết Ánh		
	9. Xã hội học	BDG1008			
	10. Quan hệ quốc tế	BDG1009	Đào Minh Hồng		
	11. Văn hóa học	BDG1010	Nguyễn Ngọc		

			Thơ		
	11. Giáo dục thể chất 2	BDG1013			
	13. Giáo dục quốc phòng (4 tuần)	BDG1014			
HỌC KỲ 3					
Học phần bắt buộc	1. Kế toán tài chính	BAA2029	Hoàng Thọ Phú		
	2. Tư duy lập trình	BIM3049	Trương Hoài Phan	Nguyễn Quang Phúc	Lê Bá Thiên
	3. Nguyên lý thị trường tài chính	BFF2044	Hoàng Thọ Phú		
	4. Phân tích dữ liệu	BMA2025	Lê Hoàng Sử	Nguyễn Văn Hồ	
	5. Hệ thống thông tin kinh doanh	BIM2050	Nguyễn Quang Hưng	Nguyễn Thôn Dã	
	6. Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	BIM5020	Trương Hoài Phan	Lê Hải Nam	
HỌC KỲ 4					
Học phần bắt buộc	1. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	BEE1002			
	2. Kỹ thuật lập trình	BIE5019	Nguyễn Quang Phúc	Trần Duy Thanh	Lê Bá Thiên
	3. Quản trị tài chính	BFF2045			
	4. Kinh tế lượng	BMA2023	Phạm Hoàng Uyên	Lê Thanh Hoa	

Học phần tự chọn	5. Cơ sở dữ liệu	BIE3004	Trần Quang Thân	Lâm Hồng Thanh	
	6. Học máy (Machine learning) trong phân tích kinh doanh	BIM4014	Trương Hoài Phan	Nguyễn Quang Phúc	
	7. Phương pháp nghiên cứu liên ngành	BIE5032	Lê Hoàng Sử	Triệu Việt Cường	
	8. Marketing	BBM2066	Phùng Thanh Bình		
HỌC KỲ 5					
Học phần bắt buộc	1. Chủ nghĩa Xã Hội Khoa Học	BDG1003			
	2. Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	BIM5011	Lâm Hồng Thanh	Trần Quang Thân	
	3. Phân tích dữ liệu nâng cao	BIM5024	Trần Duy Thanh	Lê Hoàng Sử	
	4. Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	BIM5006	Nguyễn Quang Phúc	Trần Duy Thanh	
	5. Hệ thống thông tin quản lý	BIM5013	Lê Thị Kim Hiền	Vũ Thúy Hằng	
Học phần tự chọn	6. Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP1	BIE5045	Nguyễn Duy Nhất	Nguyễn Quang Hưng	
	7. Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	BIM5018	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Lê Hải Nam	

HỌC KỲ 6					
Học phần bắt buộc	1. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BDG1005	Phạm Khánh Bằng		
	2. Tư tưởng Hồ Chí Minh	BDG1004	Đinh Thị Điều		
	3. Phát triển Web Kinh doanh	BIE5030	Trần Duy Thanh	Nguyễn Quang Phúc	
	4. Nhà kho dữ liệu và tích hợp	BIM5021	Nguyễn Văn Hồ	Lê Bá Thiên	
	5. Kiến tập	BUU6002	Lê Hoàng Sử	Triệu Việt Cường	
Học phần tự chọn	6. Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2	BIE5046	Nguyễn Duy Nhất	Nguyễn Quang Hưng	
	7. Phân tích marketing số	BIM5026	Lê Hoàng Sử	Nguyễn Thế Đại Nghĩa	
	8. Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	BIM5022	Vũ Thúy Hằng	Lê Thị Kim Hiền	
	9. Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo	BIM5023	Lê Hoàng Sử	Nguyễn Văn Hồ	
	10. Chuyển đổi số trong kinh doanh	BIE5003	Lâm Hồng Thanh	Nguyễn Thế Đại Nghĩa	
HỌC KỲ 7					
Học phần bắt buộc	1. Phát triển ứng dụng AI đa nền tảng	BIM5029	Nguyễn Quang Phúc	Trần Duy Thanh	

	2. Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	BIM5047	Nguyễn Văn Hồ	Lê Bá Thiên	Hồ Trung Thành
	3. Thương mại điện tử	BIE5043	Trần Thị Ánh	Nguyễn Thế Đại Nghĩa	
Học phần tự chọn	4. Phát triển ERP mã nguồn mở	BIM5027	Trương Hoài Phan	Lê Thị Kim Hiền	
	5. Học sâu (deep learning) trong phân tích kinh doanh	BIM5016	Nguyễn Quang Phúc	Trần Duy Thanh	
	6. Phát triển thương mại di động	BIE5028	Nguyễn Quang Phúc	Trần Duy Thanh	
	7. Nghệ thuật lãnh đạo	BBB5027	Trần Thị Hồng Liên		
	8. Hợp đồng thông minh và công nghệ Blockchain	BIM5017	Trần Duy Thanh	Lê Hoàng Sử	
	9. An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	BIM5001	Nguyễn Quang Hưng	Phạm Mạnh Cường	
	10. Hệ khuyến nghị	BIM5010	Nguyễn Thôn Dã	Nguyễn Quang Hưng	
HỌC KỲ 8					
Học phần bắt buộc	1. Thực tập cuối khoá	BUU6003			
Học phần tự chọn	2. Chuyên đề: Big Data và Ứng dụng	BIM4002	Trần Duy Thanh	Nguyễn Văn Hồ	

	3. Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ thống thông tin	BIM4034	Lê Thị Kim Hiền	Triệu Việt Cường	
	4. Khóa luận tốt nghiệp	BUU6001			

13.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng (phòng)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Học phần /học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	2610		2010	Kiên cố
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	2	550		2010	Kiên cố
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	8	1190		2010	Kiên cố
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	74	6121		2010	Kiên cố
1.5	Số phòng học đa phương tiện	3	300		2017	Kiên cố
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	28	3223.5		2012	Kiên cố
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1912		2015	Kiên cố

13.2. Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên LLCT)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB CTQG Sự thật, 2019		Triết học Mác-Lênin	BDG1001	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
2	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ không chuyên LLCT)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB CTQG Sự thật, 2019		Tư tưởng Hồ Chí Minh	BDG1004	Học kỳ 2 năm thứ ba	
3	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (dành cho bậc đại học hệ không chuyên LLCT)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB CTQG Sự thật, 2019		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BDG1005	Học kỳ 2 năm thứ ba	
4	Giáo trình CNXH khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên LLCT)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB CTQG Sự thật, 2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học	BDG1003	Học kỳ 1 năm thứ hai	
5	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên LLCT)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB CTQG Sự thật, 2019		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	BEE1002	Học kỳ 2 năm thứ hai	
6	A Companion to Cultural Studies	Toby Miller	Backwell, 2001		Văn hóa học	BDG1010	Học kỳ 2 năm thứ	

7	The Uses of Cultural Studies	Angela McRobbie	SAGE Publications, 1997				nhất	
8	Cultural Studies and the Study of Popular Culture	Storey, John	Edinburgh University, 2010					
9	Sociology. 14th New International Edition	John J. Macionis	Pearson Education: Essex, 2015		Xã hội học	BDG1008	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
10	World Politics	Charles W.Keglev, Shannon L.Blanton	Wadsworth, 2010-2011		Quan hệ quốc tế	BDG1009	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
11	Trend and Transformation							
12	Psychology	David G. Myers	Worth Publishers, 2015		Tâm lý ứng dụng	BDG1006	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
13	Business Communication: Proccess and Product	Mary Ellen Guffey	South-Western College Pub, 2014		Khoa học giao tiếp	BDG1007	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
14	Luật kinh tế	Phạm Duy Nghĩa	ĐHQG HN, 2003		Pháp luật doanh nghiệp	BKB1046	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
15	Business Law, 6th ed	Jane Mallor	McGraw Hill, 2015					
16	Logic	Irving MCopi and Carl Cohen	Published by Macmillan Pudlishing Company, New York, 1994		Logic học	BDG1011	Học kỳ 1 năm thứ nhất	

17	Critical Thinking Tools for Taking Chagre of Your Professional and Personal Life	Richard Paul và Linda Elder	Published by Financial Times Prentice Hall, 2002					
18	Digital Transformation: Build Your Organization's Future for the Innovation Age	Lindsay Herbert	Bloomsbury Business, 2017		Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	BIM5006	Học kỳ 2 năm thứ ba	
19	Artificial Intelligence for Business: What You Need to Know about Machine Learning and Neural Networks	Doug Rose	Chicago Lakeshore Press, 2018					
20	Microeconomics	David Begg, Stanley Fischer	Statistics Publisher, 2013		Kinh tế vi mô	BEE1037	Học kỳ 1 năm thứ nhất	
21	Macroeconomics	Gregory Mankiw	Statistics Publisher, 2013		Kinh tế vĩ mô	BEE1038	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
22	Essentials of Contemporary Management	Gareth R Jones, Jenifer M. George	Mc Graw HillHill, 2020		Quản trị học	BBB1067	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
23	Mathematics for Economics and Business, 9th edition.	Ian Jacques	Pearson Education Limited, 2018		Toán kinh tế	BMM2024	Học kỳ 1 năm thứ nhất	
24	Statistics for Business and Economics: 11th ed	Anderson, Sweeney và Williams	South-Western Cengage Learning, 2010		Thống kê trong kinh doanh	BMA2022	Học kỳ 2 năm thứ nhất	

25	Fundamentals of accounting principles	John J. Wild, Kermit D Larson, Barbara Chiappetta	McGraw Hill, 2015		Nguyên lý kế toán	BAA2028	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
26	Economics of Money, Banking and Financial Markets”, 11th ed	Frederic S. Mishkin	Pearson, 2014		Nguyên lý thị trường tài chính	BFF2044	Học kỳ 1 năm thứ hai	
27	Marketing căn bản (tham khảo)	Phan Đình Quyền, Trần Thị Ý Nhi, Võ Thị Ngọc Trinh	NXB ĐHQG TP.HCM, 2013		Marketing	BBM2066	Học kỳ 1 năm thứ hai	
28	Principle of Marketing: 17th ed	Kotler P. và Armstrong	Pearson, 2019		Marketing	BBM2066	Học kỳ 1 năm thứ hai	
29	Integrated Business Processes with ERP	Simha R. Magal	Wiley, 2011		Hệ thống thông tin kinh doanh	BIM2050	Học kỳ 1 năm thứ hai	
30	International Economics: Theory and Policy, 11th ed	Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld	Pearson, 2018		Kinh tế quốc tế	BRE2030	Học kỳ 2 năm thứ hai	
31	Kỹ thuật lập trình cơ bản	Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan, Trần Duy Thanh	ĐHQG, 2019		Tư duy lập trình	BIM3049	Học kỳ 1 năm thứ hai	
32	Kỹ thuật lập trình nâng cao	Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan, Trần Duy Thanh	ĐHQG, 2020		Kỹ thuật lập trình	BIE5019	Học kỳ 2 năm thứ hai	

33	Lập trình hướng đối tượng	Nguyễn Văn Thọ, Trần Duy Thanh, Phó Hải Đăng	NXB Lao Động, 2023					
34	Computer Networking – A Top Down Approach - 6th Edition	James F.Kurose và Keith W.Ross	, 2013		Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	BIM5020	Học kỳ 1 năm thứ hai	
35	E-Commerce 2019: Business, Technology and Society (15th Edition)	Kenneth C. Laudon • Carol Guercio Traver	Pearson, 2020		Thương mại điện tử	BIE5043	Học kỳ 2 năm thứ hai	
36	[1] Managing Digital Transformation: Understanding the Strategic Process.	[1] Hinterhuber, A., Vescovi, T. and Checchinato, F. eds.,	[1]Routledge, [1]2021.		Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	BIM5006	Học kỳ 2 năm thứ ba	
37	[2]. Digital Transformation – Chuyển đổi số,	[2] Lindsay Herbert, Nguyễn Bích Phương dịch.	[2]Alphabooks, [2]2020.					
38	Analytics, Data Science, và Artificial Intelligence, 11e, Global Edition	Ramesh Sharda, Dursun Delen, and Efraim Turban	Pearson Education, 2021					
39	Modern Database Management	Jeffrey A. Hoffer	Pearson Education, 2016		Cơ sở dữ liệu	BIE3004	Học kỳ 2 năm thứ hai	
40	Financial Accounting: 3rd ed	Weygandt, Kimmel và Kieso,	Wiley, 2015		Kế toán tài chính	BAA2029	Học kỳ 1 năm thứ hai	

41	“Systems Analysis and Design”, 9th Edition,	K. Kendall và J. Kendall	Prentice Hall, Pearson Education, 2014		Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	BIM5022	Học kỳ 1 năm thứ hai	
42	Digital Transformation - Chuyển Đổi Số	Lindsay Herbert (Nguyễn Bích Phương dịch)	NXB Thông Tin và Truyền Thông, 2020		Chuyển đổi số trong kinh doanh	BIE5003	Học kỳ 1 năm thứ tư	
43	Management Information Systems, 16th Edition.	Kenneth C. Laudon and Jane P. Laudon	McGraw-Hill, 2020		Hệ thống thông tin quản lý	BMI5013	Học kì 2 năm thứ hai	
44	E-marketing: International Student Edition (8th edition)	Alexa Fox Judy Strauss, Frost Raymond D.	Routledge, 2018		Công nghệ marketing	BIE4005	Học kỳ 2 năm thứ ba	
45	Programming in HTML5 with JavaScript and CSS3		PUBLISHED BY Microsoft Press,		Phát triển Web Kinh doanh	BIE5030	Học kỳ 1 năm thứ ba	
46	Android 4 Application Development	Reto Meier	Wiley, 2012		Phát triển thương mại di động	BIE5028	Học kỳ 1 năm thứ tư	
47	Phát triển ứng dụng di động cơ bản	Lê Hoàng Sử, Hồ Trung Thành, Trần Duy Thanh	ĐHQG, 2017					
48	Phát triển ứng dụng di động nâng cao	Lê Hoàng Sử, Hồ Trung Thành, Trần Duy Thanh	ĐHQG, 2017					

49	Principles, Policies, and Applications of Kotlin Programming	Duy Thanh Tran, Jun-Ho Huh	IGI Global USA, 2023					
50	Integrated Business processes with ERP System	Simha R. Magal	WILEY, 2012		Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	BIE5045	Học kỳ 1 năm thứ hai	
51		Jeffrey Word						
52	Python for Data Analysis: Data Wrangling with Pandas, NumPy, and Ipython, 2nd edition	Wes McKinney	O'Reilly Media, 2017		Phân tích dữ liệu nâng cao	BIM5024		
53	Phát triển ứng dụng di động cơ bản				Phát triển Thương mại di động	BIE5028	Học kỳ 1 năm thứ tư	
54	Phát triển ứng dụng di động nâng cao	Lê Hoàng Sử, Hồ Trung Thành, Trần Duy Thanh	ĐHQG, 2017					
55	Ecommerce Security Methods, Protocols and Solutions	Prashant Pittalia	LAP LAMBERT Academic Publishing, 2015		An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	BIM5001	Học kỳ 1 năm thứ tư	
56	Ecommerce Security Issues, Policies and Model							

57	Ecommerce Security Real Life Cases and Practical Solutions							
58	E-Commerce Law: The Legal Compliance Handbook for Online Business 2020	Tom James	Echion, LLC, 2020					
59	Electronic Payment Systems for Competitive Advantage in E-Commerce	Donal O'Mahony, Michael Peirce, Hitesh Tewari	IGI Global, 2014		Thanh toán điện tử	BIE4039	Học kỳ 1 năm thứ tư	
60	Analytics, Data Science, và Artificial Intelligence, 11e, Global Edition	Ramesh Sharda, Dursun Delen, and Efraim Turban	Pearson Education, 2021		Phân tích dữ liệu	BMA2025	Học kỳ 1 năm thứ hai	
61	Managing Digital Transformation	Andreas Hinterhuber, Tiziano Vescovi, Francesca Checchinato	Routledge, 2021		Chuyển đổi số trong kinh doanh	BIE5003		
62	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	TS. Huỳnh Thanh Tú, NXB ĐHQG TP.HCM	NXB ĐHQG TP.HCM, 2015		Nghệ thuật lãnh đạo	BBB5027	Học kỳ 1 năm thứ tư	
63	1 Nghệ thuật và phương pháp lãnh đạo doanh nghiệp	64 Lê Anh Cường, Nguyễn Thị Lệ Huyền, 65 Nhà xuất bản Lao động Xã hội	Nhà xuất bản Lao động Xã hội					

64	Nghệ thuật và phương pháp lãnh đạo doanh nghiệp,)	68 Lê Anh Cường, Nguyễn Thị Lệ Huyền, 69 Nhà xuất bản Lao động Xã hội.	Nhà xuất bản Lao động Xã hội.					
65	Introduction to Leadership: Concepts and Practice Edition 4.	72 Northouse, P. G., 73 Thousand Oaks: Sage Publications.	Thousand Oaks: Sage Publications.					
66	Social Science Research: Principles, Methods, and Practices, 2nd edition	Anol Bhattacharjee	, 2012		Phương pháp nghiên cứu liên ngành	BIE5038	Học kỳ 2 năm thứ hai	
67	Understanding Research Methods, 10th ed	Mildred L. Patten	Routledge, 2017					

13.3. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	HP ProDesk 600 G3 MT - Intel(R) Core(TM) i5-7600 CPU @ 3.50GHz - 12GB	Indonesia, 2016	42	Phòng máy 501	Giới thiệu ngành Hệ thống thông tin quản lý	HK1	1/1	HP bắt buộc

2	Dell Vostro 3671 - Intel(R) Core(TM) i7-9700 CPU @ 3.00GHz – 8GB	Indonesia, 2018	35	Phòng máy 511	Tư duy lập trình	HK3	1/1	HP bắt buộc
3	Dell Vostro 3671 - Intel(R) Core(TM) i7-9700 CPU @ 3.00GHz - 8GB	Indonesia, 2018	38	Phòng máy 707	Phân tích dữ liệu	HK3	1/1	HP bắt buộc
4	Dell OptiPlex 3010 - Intel(R) Pentium(R) CPU G2020 @ 2.90 GHz - 4GB	Indonesia, 2020	37	Phòng máy 601	Hệ thống thông tin kinh doanh	HK3	1/1	HP bắt buộc
5	Dell OptiPlex 3020 - Intel(R) Core(TM) i3-4130 CPU @ 3.40GHz - 4GB	Indonesia, 2013	34	Phòng máy 607	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	HK3	1/1	HP bắt buộc
6	Dell Vostro 3671 - Intel(R) Core(TM) i7-9700 CPU @ 3.00GHz - 8GB	Indonesia, 2018	38	Phòng máy 707	Kỹ thuật lập trình	HK4	1/1	HP bắt buộc
7	Dell XPS 8900 - Intel(R) Core(TM) i7-6700K CPU @ 4.00GHz - 16GB	Indonesia, 2015	33	Phòng Lab 701	Cơ sở dữ liệu	HK4	1/1	HP bắt buộc
8	HP ProDesk 600 G3 MT - Intel(R) Core(TM) i5-7600 CPU @ 3.50GHz - 12GB	Indonesia, 2016	42	Phòng máy 501	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	HK5	1/1	HP bắt buộc
9	Dell Vostro 3671 - Intel(R) Core(TM) i7-9700 CPU @ 3.00GHz – 8GB	Indonesia, 2018	35	Phòng máy 511	Phát triển Web Kinh doanh	HK5	1/1	HP bắt buộc
10	Dell OptiPlex 3010 - Intel(R) Pentium(R) CPU G2020 @	Indonesia, 2020	37	Phòng	Tích hợp quy trình kinh	HK5	1/1	HP bắt buộc

	2.90 GHz - 4GB			máy 601	doanh với các hệ thống ERP 1			
11	Dell OptiPlex 3020 - Intel(R) Core(TM) i3-4130 CPU @ 3.40GHz - 4GB	Indonesia, 2013	34	Phòng máy 607	Phát triển Web Kinh doanh nâng cao	HK6	1/1	HP bắt buộc
12	Dell Vostro 3671 - Intel(R) Core(TM) i7-9700 CPU @ 3.00GHz - 8GB	Indonesia, 2018	38	Phòng máy 707	Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	HK6	1/1	HP bắt buộc
13	Dell XPS 8900 - Intel(R) Core(TM) i7-6700K CPU @ 4.00GHz - 16GB	Indonesia, 2015	33	Phòng Lab 701	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2	HK6	1/1	HP tự chọn
14	HP ProDesk 600 G3 MT - Intel(R) Core(TM) i5-7600 CPU @ 3.50GHz - 12GB	Indonesia, 2016	42	Phòng máy 501	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	HK6	1/1	HP tự chọn
15	Dell Vostro 3671 - Intel(R) Core(TM) i7-9700 CPU @ 3.00GHz - 8GB	Indonesia, 2018	35	Phòng máy 511	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	HK6	1/1	HP tự chọn
16	Dell OptiPlex 3010 - Intel(R) Pentium(R) CPU G2020 @ 2.90 GHz - 4GB	Indonesia, 2020	37	Phòng máy 601	Khai phá dữ liệu	HK7	1/1	HP bắt buộc
17	Dell OptiPlex 3020 - Intel(R) Core(TM) i3-4130 CPU @ 3.40GHz - 4GB	Indonesia, 2013	34	Phòng máy 607	Phát triển ERP mã nguồn mở	HK7	1/1	HP tự chọn

16. Mỗi quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

[illegible][illegible]

[illegible]

21	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	x						x				2
22	BDG1010	Văn hóa học	2	x										1
23	BAA2029	Kế toán tài chính	3	x										1
24	BIM3049	Tư duy lập trình	3		x				x		x			3
25	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính	3	x										1
26	BMA2025	Phân tích dữ liệu	3				X	x			x			3
27	BIM2050	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		x	x			X			X		4
28	BIM5020	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	2		x	x				x				3
29	BBM2066	Marketing	2	x										1
30	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	x									X	2
31	BIE5019	Kỹ thuật lập trình	3		x			x	x			X		4
32	BFF2045	Quản trị tài chính	3	x										1
33	BMA2023	Kinh tế lượng	3	x					x					2
34	BIE3004	Cơ sở dữ liệu	3		x		x		x		x			4
35	BIM5013	Hệ thống thông tin quản lý	3		x	x				x	x			4
36	BIE5032	Phương pháp nghiên cứu liên ngành	2		x			x			x			3

37	BRE2030	Kinh tế quốc tế	2	x						x				2
38	BDG1003	Chủ nghĩa Xã Hội Khoa Học	2	x										1
39	BIM5011	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	3		x		x		x		x			4
40	BIE5030	Phát triển Web Kinh doanh	3		x		x		x			X		4
41	BIM5022	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	3		x	x		x	x				X	5
42	BIE5045	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	2		x	x				x		X		4
43	BIM5026	Phân tích marketing số	2	x			x	X					X	4
44	BIE5038	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	2	x	x				x			X		4
45	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	x									X	2
46	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x									X	2
47	BIE5031	Phát triển Web Kinh doanh nâng cao	2		x		x				x		X	4
48	BIM5006	Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	3		x			X		x		X		4
49	BUU6002	Kiến tập	2	x	x	x	x				x		X	6
50	BIE5046	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2	2		x	x			x		x			4

51	BIM5018	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	2			x			x			X	X	4
52	BIM4014	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	3		x		x	X			x			4
53	BIE5003	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	x	x					x		X	X	5
54	BIM5023	Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo	3				x	X	x		x			4
55	BIM5047	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3			x	x		x				X	4
56	BIM5001	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	3	x	x					x	x			4
57	BIM5021	Nhà kho dữ liệu và tích hợp	3		x		x		x		x	X		5
58	BIE5043	Thương mại điện tử	3	x	x					x			X	4
59	BIM5016	Học sâu (deep learning) trong phân tích kinh doanh	3		x		x	X			x			4
60	BIM5012	Hệ thống thông tin kế toán	3		x	x					x	X		4
61	BIM5027	Phát triển ERP mã nguồn mở	3		x	x			x		x			4
62	BIM5024	Phân tích dữ liệu nâng cao	3				x	X			x	X		4
63	BIE5028	Phát triển thương mại di động	3	x	x				x				X	4
64	BBB5027	Nghệ thuật lãnh đạo	3	x									X	2

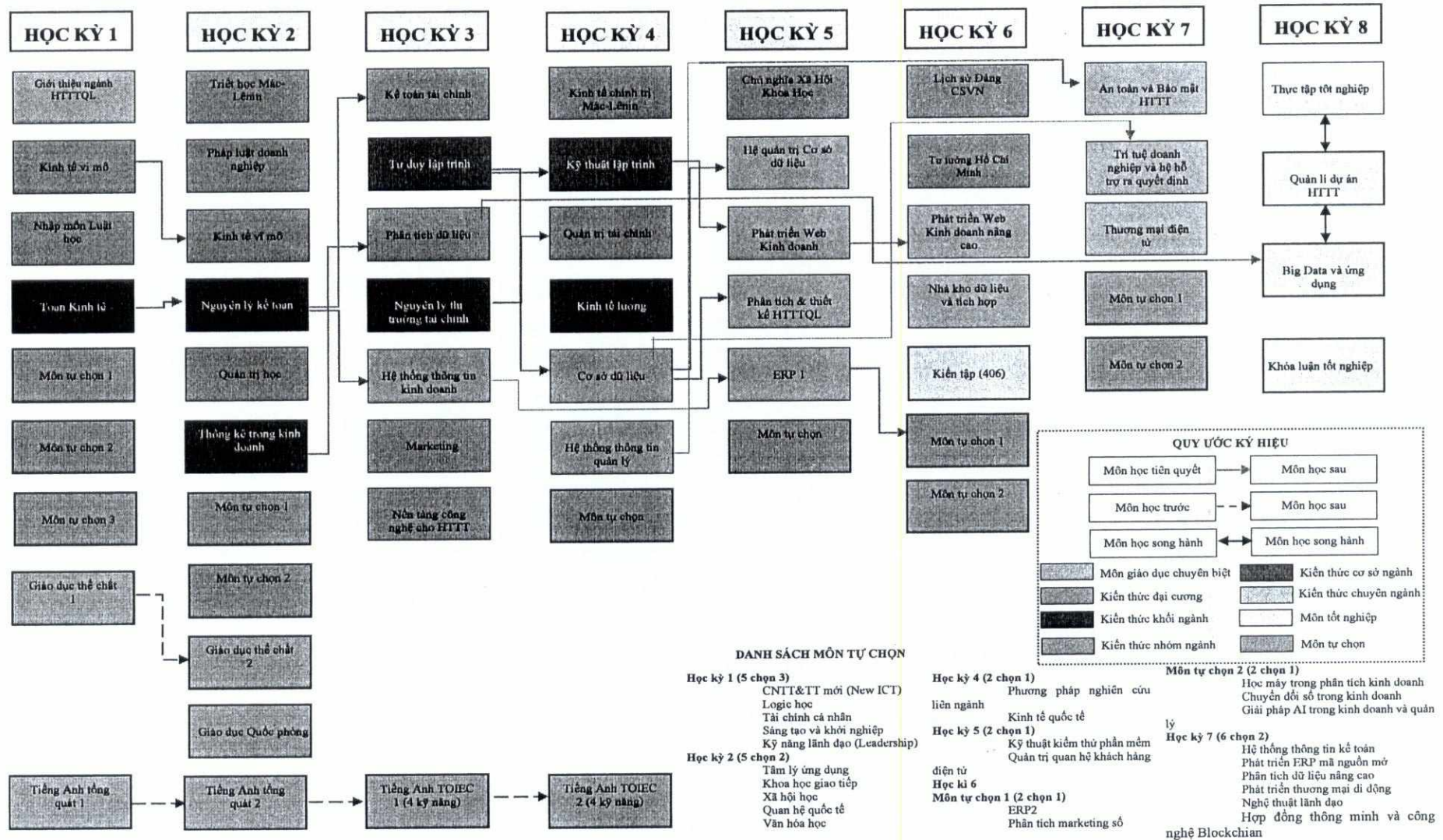
65	BIM5029	Phát triển ứng dụng AI đa nền tảng	3	x	x			X			x			4
66	BIM5010	Hệ khuyến nghị	3		x		x		x		x			4
67	BUU6003	Thực tập cuối khóa	4		x	x	x		x		x		X	6
68	BIM4002	Chuyên đề: Big Data và Ứng dụng (SV không làm KLTN)	2				x	X		x				3
69	BIM4034	Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ thống thông tin	2		x					x	x		X	4
70	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4		x	x	x	x	X		x		X	7

17. Sơ đồ cấu trúc tiến trình đào tạo của chương trình

SƠ ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2023

Chuyên ngành: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

Mã ngành: 7340405



SƠ ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2023

Chuyên ngành: KINH DOANH SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Mã ngành: 7340405

